

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÁI BÌNH**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Cẩm Giang

Sinh viên thực hiện : Lê Thị Thanh Hằng

Lớp : 20KH1

Khóa học : 2020-2024

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2024

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên: LÊ THỊ THANH HẰNG

MSSV: 2054010053

Lớp: 20KH1

Khóa: 2020-2024

Nghành: Kế Toán

- Tên đề tài:** Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình.
 - Nội dung:** (mô tả ngắn gọn nội dung, mục tiêu và phương pháp thực hiện)
 - **Nội dung:** Trình bày cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Thực trạng và nhận xét, đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình.
 - **Mục tiêu:** Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng. Qua so sánh từ việc vận dụng các kiến thức đã được học và thực tập nhận thức tại doanh nghiệp, từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá những ưu điểm và nhược điểm nhằm đưa ra những biện pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình
 - **Phương pháp thực hiện:** Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập. Tổng hợp, so sánh, phân tích các số liệu ghi chép trên sổ sách của công ty. Tham khảo các văn bản quy định của Bộ Tài chính và sách báo về kế toán có liên quan.
 - Ngày giao khóa luận:** 26/02/2024
 - Ngày hoàn thành khóa luận:** 26/05/2024
 - Giảng viên hướng dẫn:** Thạc sĩ Lê Thị Cẩm Giang
- Nội dung và yêu cầu Khóa luận tốt nghiệp đã được thông qua bộ môn.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 05 năm 2024

Trưởng bộ môn
(ký ghi rõ họ tên)

Giảng viên hướng dẫn
(ký ghi rõ họ tên)

Sinh viên thực hiện
(ký ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH

DANH MỤC PHỤ LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	1
<i>1.1.1 Khái niệm bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2 Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>1</i>
<i>1.1.3 Vai trò kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>1</i>
<i>1.1.4 Mối quan hệ giữa kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>2</i>
1.2 Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	2
<i>1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>2</i>
<i>1.2.1.1 Khái niệm</i>	<i>2</i>
<i>1.2.1.2 Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán</i>	<i>2</i>
<i>1.2.1.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu</i>	<i>3</i>
<i>1.2.1.4 Tài khoản sử dụng</i>	<i>3</i>
<i>1.2.1.5 Phương pháp hoạch toán</i>	<i>4</i>
<i>1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>6</i>
<i>1.2.2.1 Khái niệm</i>	<i>6</i>
<i>1.2.2.2 Tài khoản sử dụng</i>	<i>6</i>
<i>1.2.2.3 Phương pháp hoạch toán</i>	<i>6</i>
<i>1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>7</i>
<i>1.2.3.1 Khái niệm</i>	<i>7</i>
<i>1.2.3.2 Các phương pháp tính giá xuất kho</i>	<i>7</i>
<i>1.2.3.3 Tài khoản sử dụng</i>	<i>8</i>
<i>1.2.3.4 Phương pháp hoạch toán</i>	<i>9</i>
<i>1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>11</i>
<i>1.2.4.1 Khái niệm</i>	<i>11</i>
<i>1.2.4.2 Tài khoản sử dụng</i>	<i>11</i>

1.2.4.3 Phương pháp hoạch toán	11
1.2.5 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	13
1.2.5.1 Khái niệm	13
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	13
1.2.5.3 Phương pháp hoạch toán	14
1.2.6 Kế toán chi phí quản lí kinh doanh	15
1.2.6.1 Khái niệm	15
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	15
1.2.6.3 Phương pháp hoạch toán	16
1.2.7 Thu nhập khác.....	18
1.2.7.1 Khái niệm	18
1.2.7.2 Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng.....	18
1.2.7.3 Phương pháp hoạch toán	19
1.2.8 Kế toán chi phí khác	20
1.2.8.1 Khái niệm	20
1.2.8.2 Tài khoản sử dụng	20
1.2.8.3 Phương pháp hoạch toán	21
1.2.9 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22
1.2.9.1 Khái niệm	22
1.2.9.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.9.3 Phương pháp hoạch toán	23
1.2.10 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	23
1.2.10.1 Khái niệm	23
1.2.10.2 Tài khoản sử dụng.....	24
1.2.10.3 Phương pháp hoạch toán	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH	26
2.1 Giới thiệu tổng quan về công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình...	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển công ty.....	26
2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ của công ty	26
2.1.2.1 Chức năng của công ty.....	26
2.1.2.2 Nhiệm vụ của công ty.....	27
2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lí của công ty.....	27
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban	27

2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	28
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán	28
2.1.4.2 Chức năng của từng nhân viên.....	28
2.1.5 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....	29
2.2 Thực trạng công tác kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình	31
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	31
2.2.1.1 Đặc điểm kinh doanh	31
2.2.1.2 Phương thức bán hàng.....	31
2.2.1.3 Phương thức thanh toán.....	31
2.2.1.4 Tài khoản sử dụng	31
2.2.1.5 Chứng từ và sổ sách sử dụng	31
2.2.1.6 Quy trình luân chuyển chứng từ.....	32
2.2.1.7 Các nghiệp vụ minh họa.....	33
2.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	38
2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán	38
2.2.3.1 Đặc điểm	38
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng	38
2.2.3.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng	39
2.2.3.4 Quy trình luân chuyển chứng từ.....	39
2.2.3.5 Các nghiệp vụ minh họa.....	39
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính	43
2.2.4.1 Đặc điểm	43
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng	43
2.2.4.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng	43
2.2.4.4 Các nghiệp vụ minh họa.....	43
2.2.5 Kế toán chi phí tài chính.....	45
2.2.6 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	46
2.2.6.1 Đặc điểm	46
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng	46
2.2.6.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng	46
2.2.6.4 Các nghiệp vụ minh họa.....	46
2.2.7 Kế toán thu nhập khác.....	51
2.2.8 Kế toán chi phí khác	52
2.2.9 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52
2.2.9.1 Đặc điểm	52

2.2.9.2 Tài khoản sử dụng	52
2.2.9.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng	52
2.2.9.4 Các nghiệp vụ minh họa.....	52
2.2.10 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	54
2.2.10.1 Tài khoản sử dụng.....	54
2.2.10.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng	54
2.2.10.3 Quy trình ghi sổ	55
2.2.10.4 Nghiệp vụ minh họa	55
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT, ĐÓNG GÓP Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG	
TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH	
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH	57
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt	
động kinh doanh tại Công Ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình	57
3.1.1 Ưu điểm	57
3.1.2 Hạn chế.....	58
3.2 Một số giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động	
kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình	59
KẾT LUẬN	64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 : Nhật ký chung	37
Biểu 2.2 : Sổ cái 511.....	38
Biểu 2.3 : Trích phiếu xuất kho 000022	40
Biểu 2.4 : Trích phiếu xuất kho 000024	41
Biểu 2.5 : Sổ nhật ký chung.....	42
Biểu 2.6 : Sổ cái 632.....	43
Biểu 2.7 : Sổ nhật ký chung	45
Biểu 2.8 : Sổ cái 515.....	45
Biểu 2.9 : Bảng chấm công tháng 09	48
Biểu 2.10 : Bảng thanh toán lương tháng 09	49
Biểu 2.11 : Sổ nhật ký chung.....	51
Biểu 2.12 : Sổ cái 642.....	51
Biểu 2.13 : Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023	54
Biểu 2.14 : Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023.....	55
Biểu 2.15 : Sổ cái 911.....	56
Biểu 3.1: Phiếu xuất kho.....	60
Biểu 3.2: Bảng kê bản lẻ hàng hóa, dịch vụ	61
Biểu 3.3: Mẫu sổ chi tiết doanh thu bán hàng	62
Biểu 3.4: Bảng thanh toán tiền lương tháng 09	62

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hoạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hoạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý	5
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hoạch toán theo phương thức trả chậm, trả góp	5
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hoạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	6
Sơ đồ 1.4.a: Sơ đồ hoạch toán kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa	7
Sơ đồ 1.4.a: Sơ đồ hoạch toán kế toán hàng bán bị trả lại	7
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hoạch toán kế toán giá vốn hàng bán	10
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hoạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính	12
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hoạch toán kế toán chi phí tài chính	14
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hoạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	17
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hoạch toán thu nhập khác.....	19
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hoạch toán chi phí khác	21
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hoạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp	23
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hoạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	27
Sơ đồ 2.2 : Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy	29
Hình 2.1 : Giao diện phần mềm Trí Việt.....	30
Hình 2.2 : Hóa đơn GTGT số 00000022	33
Hình 2.3 : Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho số 000022.....	34
Hình 2.4 : Hóa đơn GTGT số 00000024	35
Hình 2.5 : Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho số 000024.....	36
Hình 2.6 : Giao diện mở sổ nhật ký chung	37
Hình 2.7 : Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho số 000022.....	39
Hình 2.8 : Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho số 000024.....	40
Hình 2.9 : Phiếu thu tiền gửi.....	43
Hình 2.10 : Trích giao diện phiếu chi tiền gửi.....	47
Hình 2.11: Trích giao diện chứng từ bút toán tổng hợp	50

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục số 01: Bảng kê giao dịch từ ngân hàng.....	66
Phụ lục số 02: Phiếu chi tiền mặt số 000005	68
Phụ lục số 03: Báo cáo kết quả kinh doanh 2023	69

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
TSCĐ	Tài sản cố định
SP	Sản phẩm
SXKD	Sản xuất kinh doanh
BĐSĐT	Bất động sản đầu tư
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
HĐKT	Hợp đồng kinh tế
KQKD	Kết quả kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
KKTX	Kê khai thường xuyên
KKĐK	Kê khai định kỳ

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn đến các quý thầy cô khoa Kinh tế, trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đã tạo cơ hội cho em được học tập, rèn luyện và tích lũy kiến thức, kỹ năng để thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Đặc biệt là lời cảm ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn cô Lê Thị Cẩm Giang đã tận tình chỉ dẫn, theo dõi và đưa ra những lời khuyên bổ ích giúp em giải quyết được các vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp một cách tốt nhất.

Em xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình, các anh chị trong công ty đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho em tìm hiểu và tiếp cận với những kiến thức thực tế tại công ty, giúp em có cơ hội được học hỏi và áp dụng những kiến thức được giảng dạy tại trường vào công việc thực tế. Qua quá trình thực tập, em đã được mở rộng tầm nhìn và tiếp thu nhiều kiến thức thực tế. Từ đó em nhận thấy, việc cọ sát thực tế là vô cùng quan trọng, nó giúp sinh viên xây dựng nền tảng lý thuyết được học ở trường vững chắc hơn. Do kiến thức của bản thân còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự nhận xét, góp ý và chỉ dạy thêm từ quý thầy cô.

Cuối cùng, em xin chúc quý thầy cô luôn thật nhiều sức khỏe và đạt được nhiều thành công trong công việc.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Chìa khóa dẫn đến những con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của một doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp đó có được sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành. Thiếu đi bất kỳ một bộ phận nào hay khi nó hoạt động chưa hiệu quả đều dẫn tới những hệ lụy xấu cho kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý. Trong hoạt động kế toán bao gồm nhiều phân hành cụ thể như: kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với “Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình”, hoạt động chủ yếu của công ty là trong lĩnh vực thương mại thì kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh chính là mảng lớn nhất, quan trọng nhất của công ty.

Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là nơi đưa ra các số liệu của công ty liên quan đến các chỉ tiêu như Giá vốn hàng bán, Doanh thu tiêu thụ, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế... Đây là các chỉ tiêu quan trọng trong báo cáo tài chính, là cơ sở để đưa ra các quyết định đối với cả ban quản lý Công ty cũng như các cổ đông. Chính vì thế, hoạt động kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh luôn đòi hỏi tính trung thực, chính xác, đầy đủ.

Sau 3 tháng được thực tập tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình em nhìn thấy được sự quan trọng của công tác kế toán nói chung và đặc biệt là kế toán bán hàng & xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng, vì vậy em quyết định chọn đề tài: **Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình**. Kết cấu của đề tài gồm 3 phần chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình.

Chương 3: Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình.

Trong quá trình hoàn thiện đề tài, em luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị trong ban giám đốc và phòng kế toán của Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình. Tuy nhiên, do hạn hẹp về mặt thời gian thực tập cũng như kiến thức, hiểu biết của bản thân chưa đầy đủ, bài viết của em chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của thầy để bài viết của em ngày một hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.1.1 Khái niệm bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Bán hàng là khâu cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp. Bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa cho khách hàng và khách hàng thanh toán và đã chấp nhận thanh toán trong doanh nghiệp

- Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra và thu nhập hoạt động kinh doanh mang về trong kỳ, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý kinh doanh. Nếu thu nhập lớn hơn chi phí thì kết quả bán hàng lãi và ngược lại, thu nhập nhỏ hơn chi phí thì kết quả bán hàng lỗ.

1.1.2 Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ và chính xác tình hình bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ cả về giá trị và số lượng hàng bán theo từng loại mặt hàng và nhóm hàng.

- Phản ánh và theo dõi chính xác tình hình thu hồi vốn, tình hình công nợ và thanh toán công nợ phải thu người mua, theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, số tiền khách nợ....

- Tính toán chính xác giá vốn của hàng tiêu thụ, từ đó xác định chính xác kết quả kinh doanh.

- Cung cấp những thông tin kế toán chính xác, trung thực, đầy đủ, cần thiết về tình hình tiêu thụ hàng hóa như: Doanh thu, giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác cho các bộ phận có liên quan, phân tích kế toán đối với các hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3 Vai trò bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Bán hàng là khâu cuối cùng của trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp còn xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để đơn vị quyết định tiêu thụ hàng hóa nữa hay không. Do đó có thể nói giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết. Kết quả bán hàng là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp còn bán hàng là phương tiện trực tiếp để đạt được mục đích đó.

- Bán hàng đóng một vai trò rất quan trọng không chỉ đối với bản thân mỗi doanh nghiệp và với cả sự phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế xã hội.

- Đối với doanh nghiệp, hoạt động bán hàng chính là điều kiện quyết định giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển, thông qua nghiệp vụ bán hàng doanh nghiệp tạo

được doanh thu, nhanh chóng thu hồi vốn kinh doanh đồng thời tạo ra lợi nhuận. Lúc này doanh nghiệp có điều kiện để thực hiện phân phối lợi ích vật chất giữa doanh nghiệp với nhà nước, doanh nghiệp với người lao động hoặc giữa doanh nghiệp với chủ doanh nghiệp hay nói cách khác là để phân phối hài hòa 3 lợi ích:

- Lợi ích của nhà nước thông qua các khoản thuế và lệ phí.
- Lợi ích của doanh nghiệp thông qua lợi nhuận.
- Lợi ích của người lao động thông qua tiền lương và các khoản ưu đãi.

- Đối với nền kinh tế quốc dân thì việc thực hiện tốt khâu bán hàng là điều kiện để kết hợp chặt chẽ giữa lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ, thực hiện chu chuyển tiền mặt, ổn định và củng cố giá trị đồng tiền, là điều kiện để ổn định và nâng cao đời sống của người lao động nói riêng và toàn xã hội nói chung.

1.1.4 Mối quan hệ kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Giữa bán hàng và xác định KQKD có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Bán hàng là cơ sở để xác định KQKD cao hay thấp và KQKD là căn cứ quan trọng đưa ra quyết định bán hàng. KQKD là mục tiêu cuối cùng DN hướng đến và bán hàng là phương tiện thực hiện mục tiêu ấy. DN bán hàng được mới có thể bù đắp chi phí bỏ ra, nâng cao đời sống lao động, mở rộng hoạt động SXKD.

- Bán hàng và xác định KQKD có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với DN mà còn ảnh hưởng đến nền kinh tế. Việc xác định KQKD là cơ sở xác định chính xác và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp đối với nhà nước thông qua việc nộp thuế, lệ phí vào ngân sách, xác định cơ cấu chi phí hợp lý và sử dụng hiệu quả lợi nhuận.

1.2 Cơ sở lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1 Khái niệm

Trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế DN thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của DN, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

1.2.1.2 Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán

❖ Phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng tại kho của doanh nghiệp: ngay tại kho doanh nghiệp xuất hàng giao trực tiếp cho đại diện bên mua.

- Phương thức bán hàng đại lý: là hình thức bán hàng mà doanh nghiệp giao cho đơn vị hoặc cá nhân bán hộ và phải trả hoa hồng cho họ, số hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Hoa hồng đại lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán chưa

có thuế GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) hoặc thanh toán bao gồm cả GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT) và được hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng. Khoản lãi do trả chậm, trả góp sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt: Theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt tương ứng với số hàng hóa mà mình đã bán.

- Thanh toán qua ngân hàng: Ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, làm nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và người lại. Phương thức này có nhiều hình thức thanh toán như: Thanh toán bằng séc, thư tín dụng, thanh toán bù trừ, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,...

1.2.1.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo VAS 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 và Bộ tài chính thì doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- DN đã chuyển giao phần lớn lợi ích và rủi ro gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho khách hàng.
- DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- DN đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được CP liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.2.1.4 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng: TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Theo điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC quy định tài khoản 511 gồm 4 tài khoản cấp 2, bao gồm:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118: Doanh thu khác

* Kết cấu tài khoản:

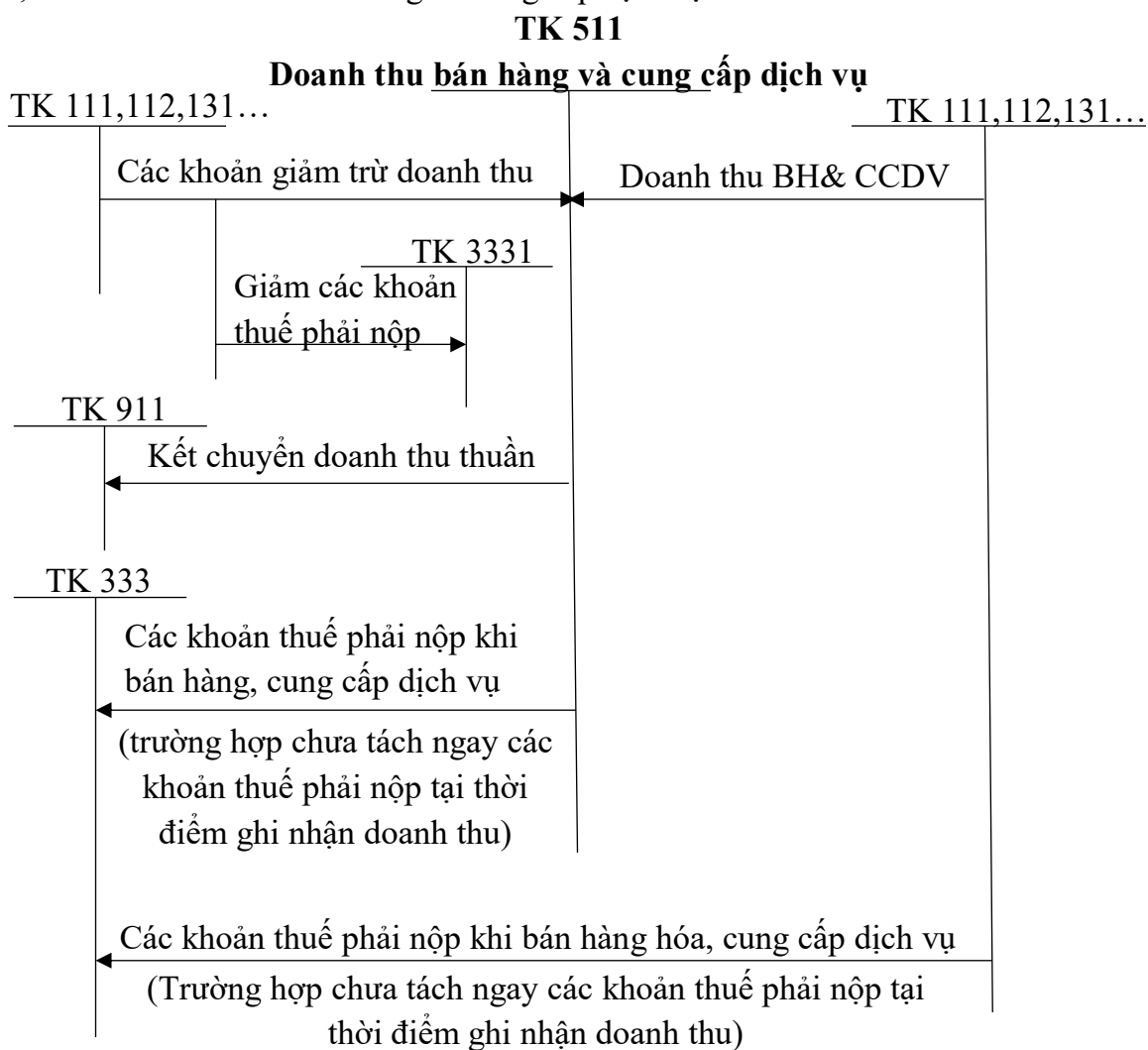
TK 511	
Nợ	Có
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) - Các khoản giảm trừ doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán



Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.5 Phương pháp hạch toán:

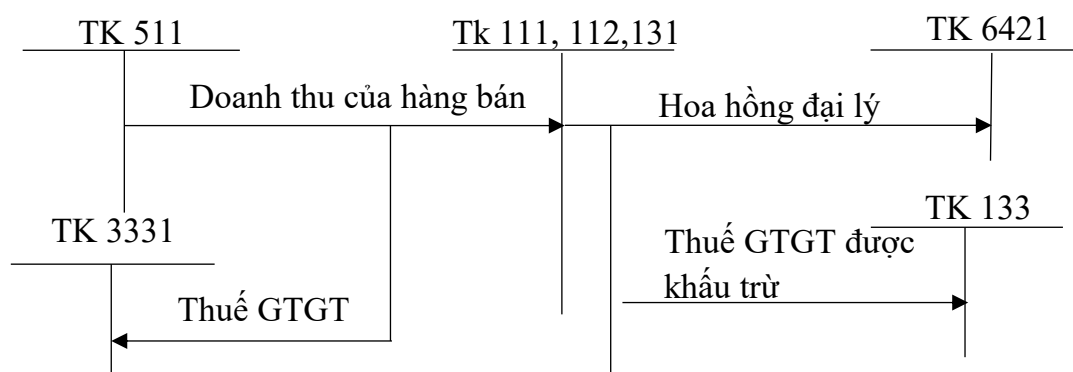
a, Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



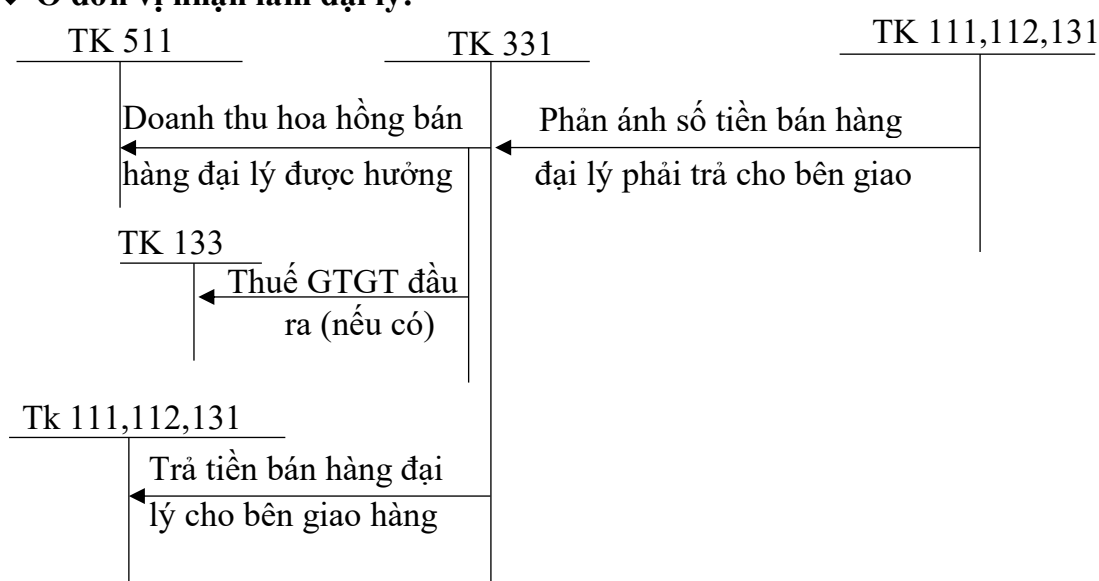
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

b, Kế toán bán hàng đại lý

❖ Ở đơn vị giao hàng đại lý:

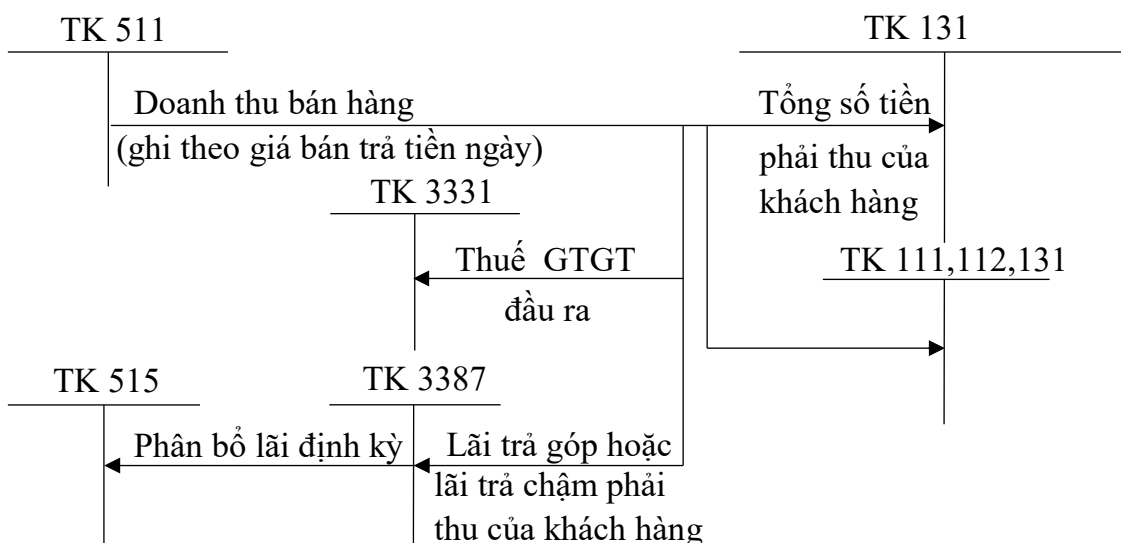


❖ Ở đơn vị nhận làm đại lý:



Sơ đồ 1.2: Hoạch toán kế toán bán hàng thông qua đại lý

c, Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:



Sơ đồ 1.3: Hoạch toán theo phương thức trả chậm, trả góp

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Khái niệm

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng đã bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

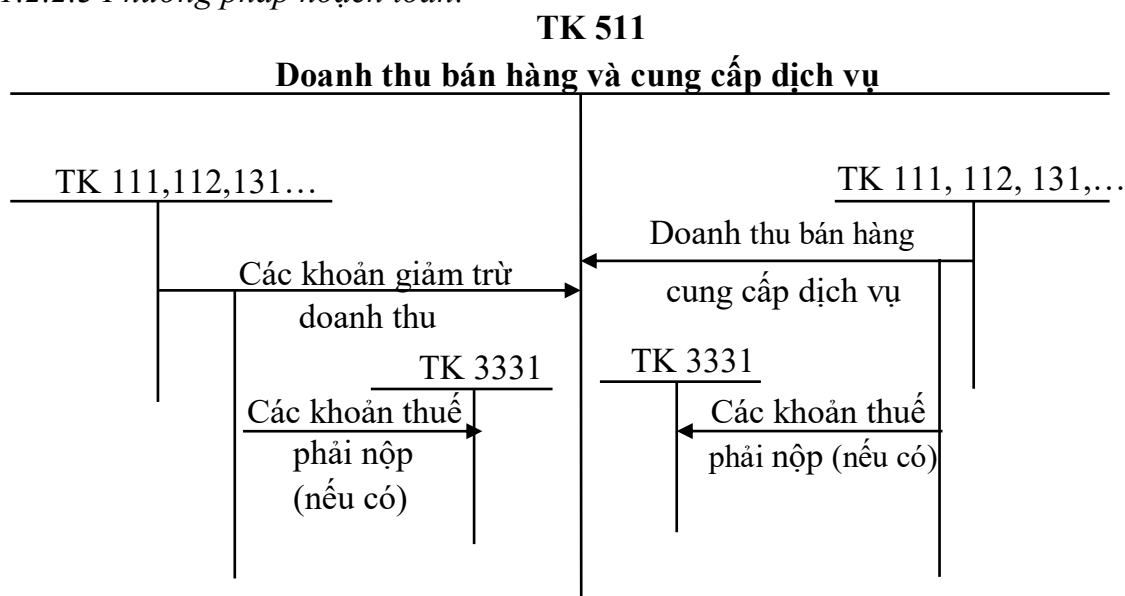
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu bị thiếu.

- Hàng bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng:

Theo điều 57 của Thông tư 133/TT-BTC: Khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì hạch toán vào bên Nợ của TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

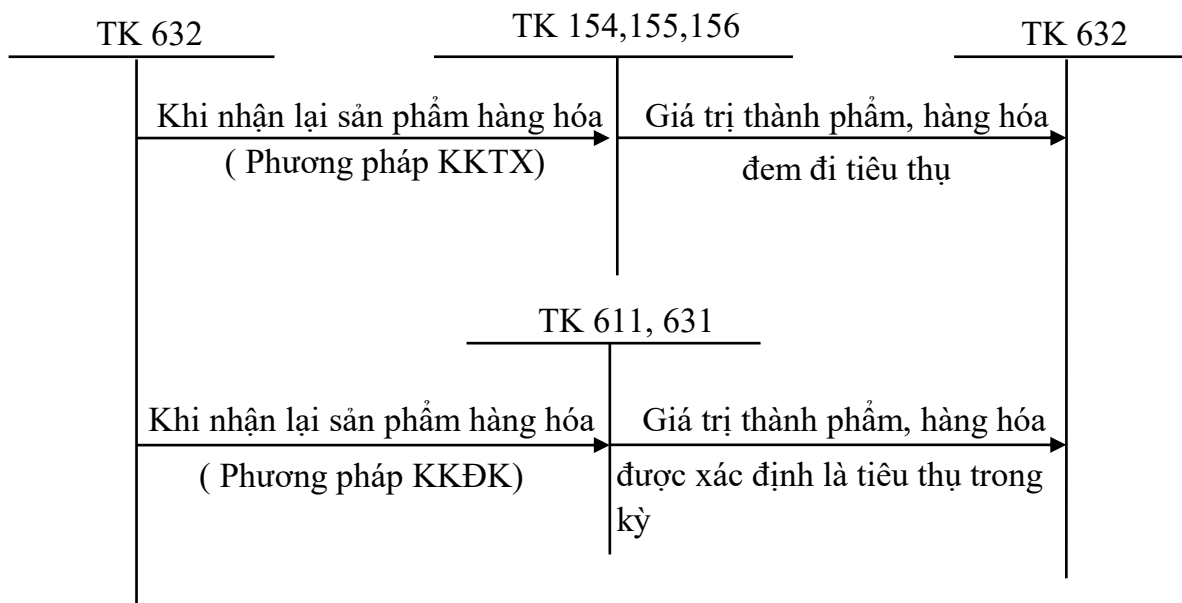
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.4 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

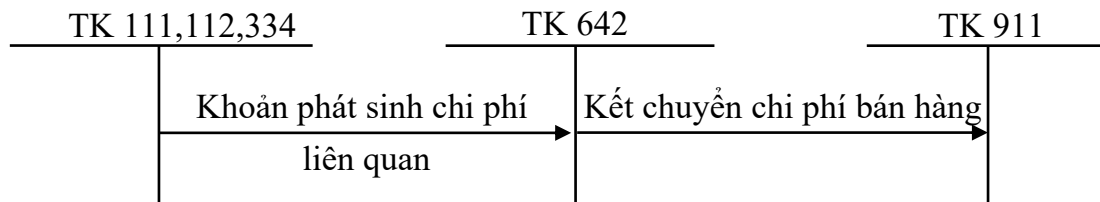
❖ Kế toán chi phí liên quan

• Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa



Sơ đồ 1.4a: Hoạch toán kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hóa

- Kế toán hàng bán trả lại:



Sơ đồ 1.4b: Hoạch toán kế toán hàng bán bị trả lại

1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1 Khái niệm

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC giá vốn hàng bán là trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT.

1.2.3.2 Các phương pháp tính giá xuất kho

a, Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được được giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản phẩm xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá vốn của hàng tồn kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

☞ Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ (tháng) (giá bình quân cả kỳ dự trữ)

Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại sản phẩm	=	Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ
		Số lượng hàng tồn đầu kỳ + Số lượng hàng nhập trong kỳ

☞ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm, tức thời) - Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

Đơn giá xuất kho lần thứ i	=	Trị giá vật tư hàng tồn đầu kỳ + Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i
		Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ + Số lượng vật tư, hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i

b, Phương pháp đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng loại sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

c, Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước - xuất trước tuân thủ theo nguyên tắc hàng hóa mua trước sẽ được xuất trước để sử dụng và tính theo giá thực tế của lô hàng cũ trước. Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hoạch toán giá vốn hàng bán là tài khoản 632.

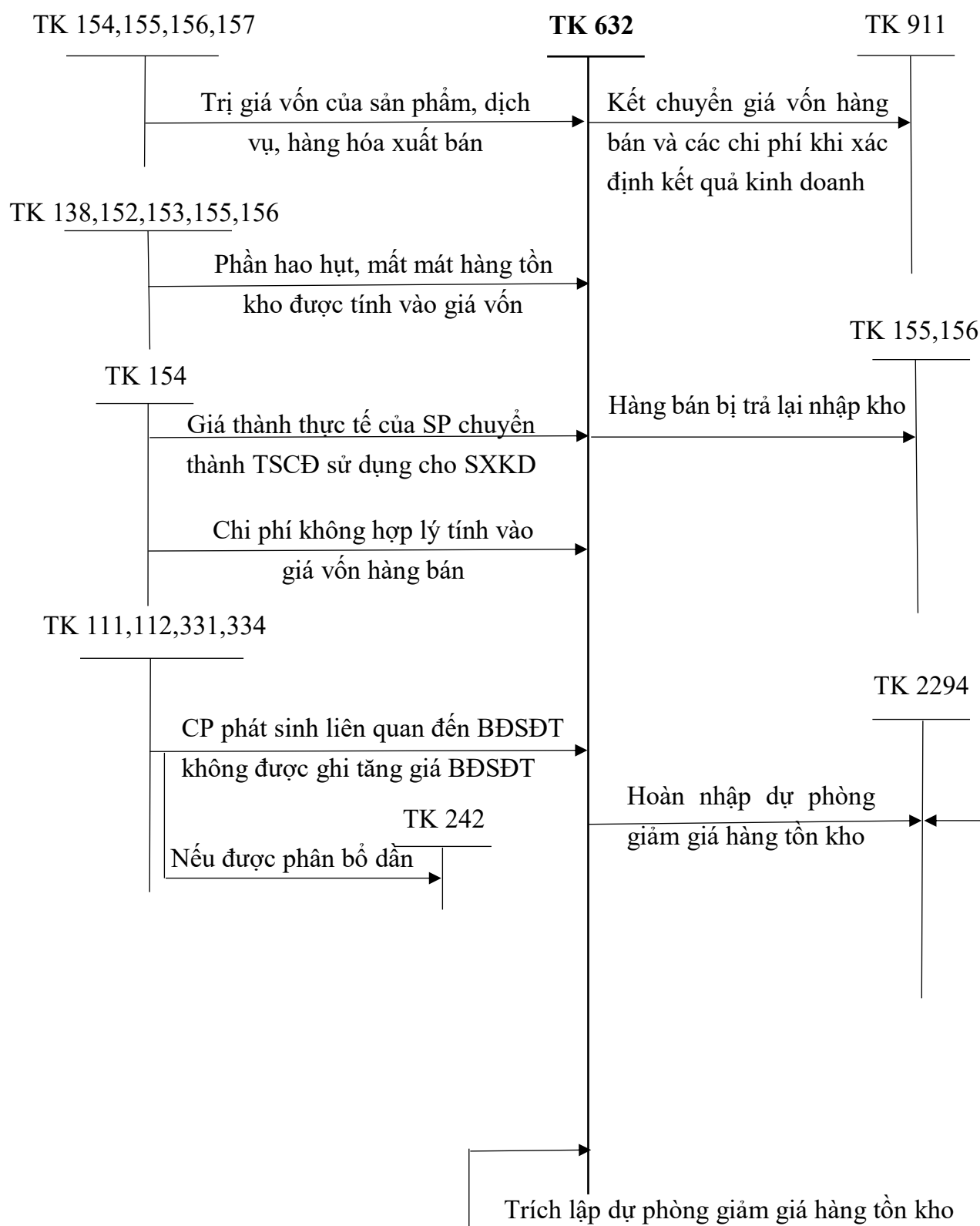
Kế toán sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

* Kết cấu tài khoản:

TK 632		
Nợ	Giá vốn hàng bán	Có
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911-“Xác định kết quả hoạt động kinh doanh” - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó đã được hoàn lại

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4 Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ kế toán giá vốn hàng bán

1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.1 Khái niệm:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: các khoản đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi và cho vay, lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ....

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hoạch toán doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản 515.

Kế toán sử dụng TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

* Kết cấu tài khoản 515:

TK 515

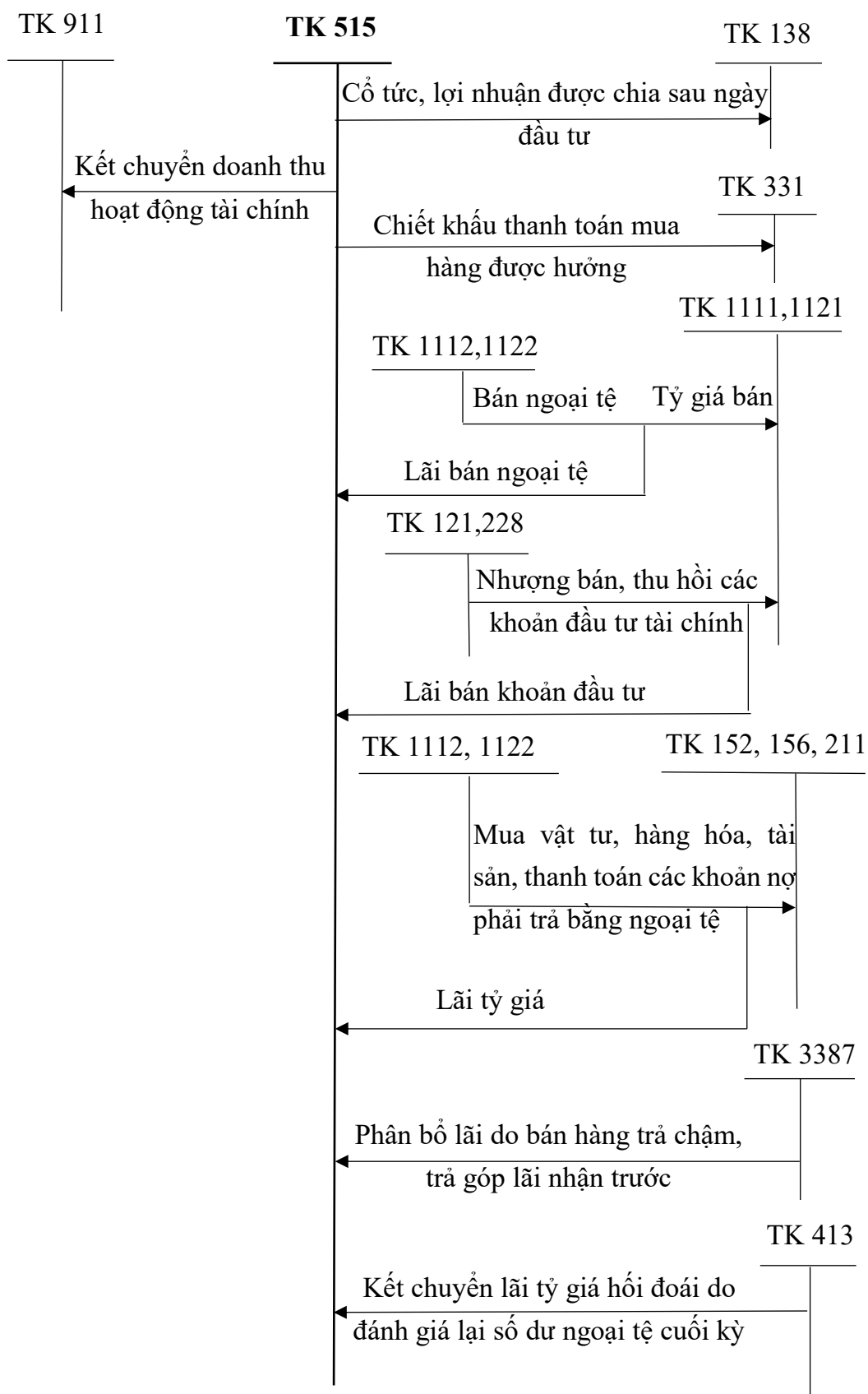
Doanh thu hoạt động tài chính

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – "Xác định kết quả kinh doanh"	



Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3 Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1 Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan tới đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn..., khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hoạch toán chi phí hoạt động tài chính là tài khoản 635.

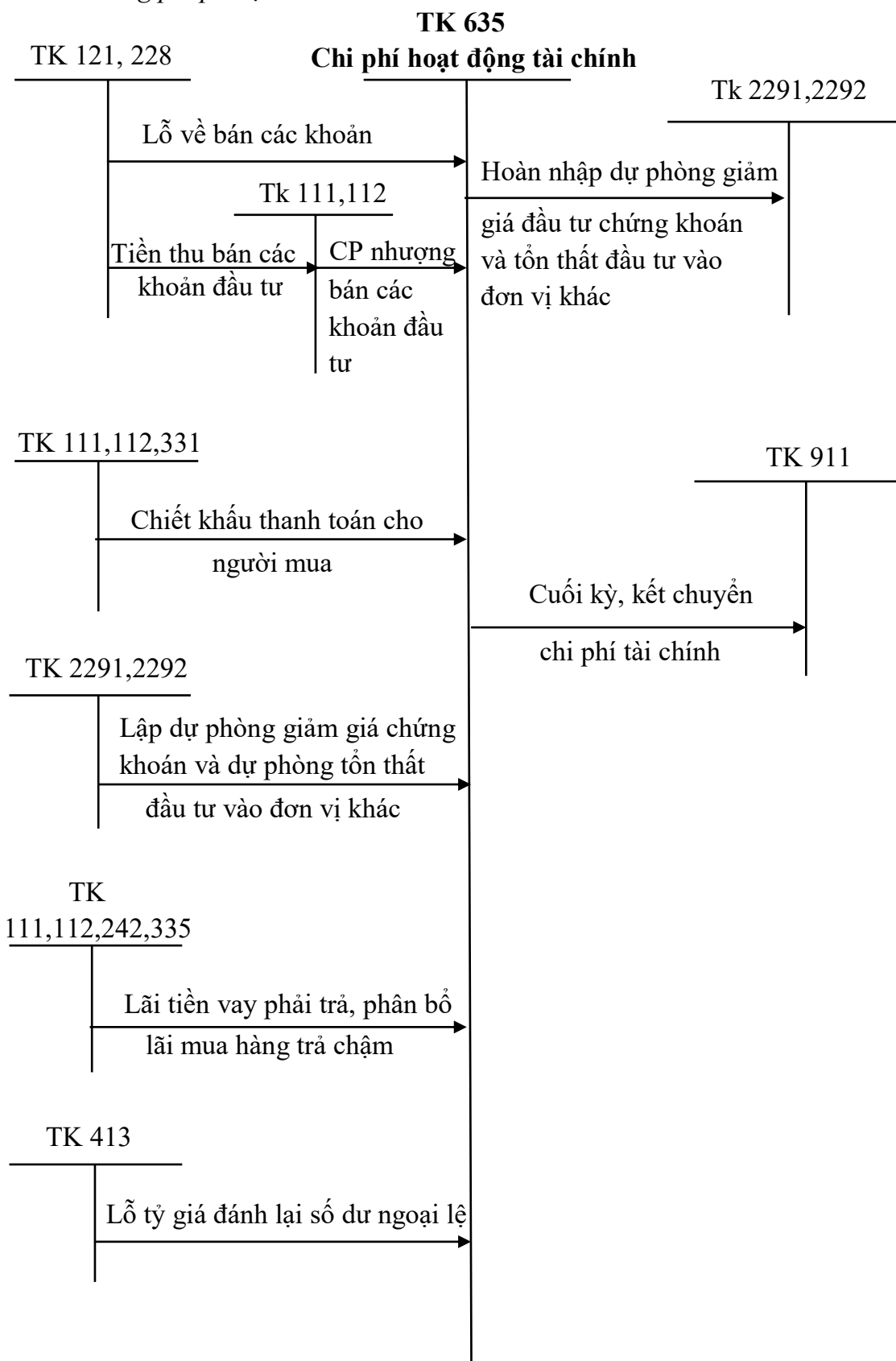
Tài khoản 635 “ chi phí hoạt động tài chính”

* Kết cấu tài khoản 635:

TK 635	
Nợ	Có
Chi phí hoạt động tài chính	
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước)	- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước) - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.6 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.6.1 Khái niệm

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bản quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, dịch vụ mua ngoài chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài.

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hoạch toán chi phí quản lý kinh doanh là tài khoản 642

- Tài khoản 642- “Chi phí quản lý kinh doanh”

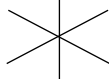
Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6421 “Chi phí bán hàng”

TK6412 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

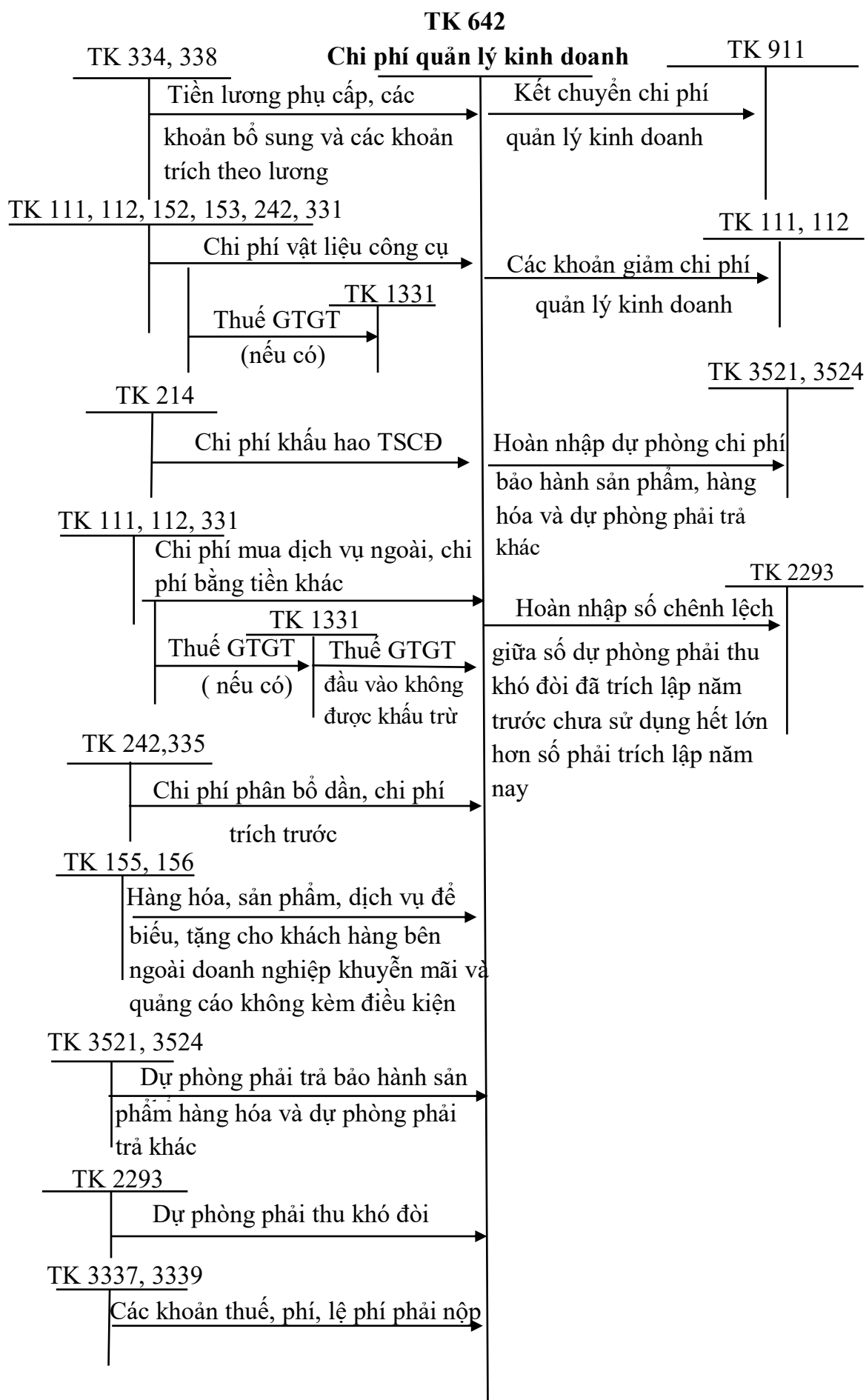
* Kết cấu tài khoản 642:

Tài khoản 642	
Nợ	Có
Chi phí quản lý kinh doanh	
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”



Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.2.6.3 Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hoạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.7 Thu nhập khác

1.2.7.1 Khái niệm

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường có thể do chủ quan của doanh nghiệp hay khách quan đưa đến.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế thu được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán thu nhập khác là tài khoản 711.

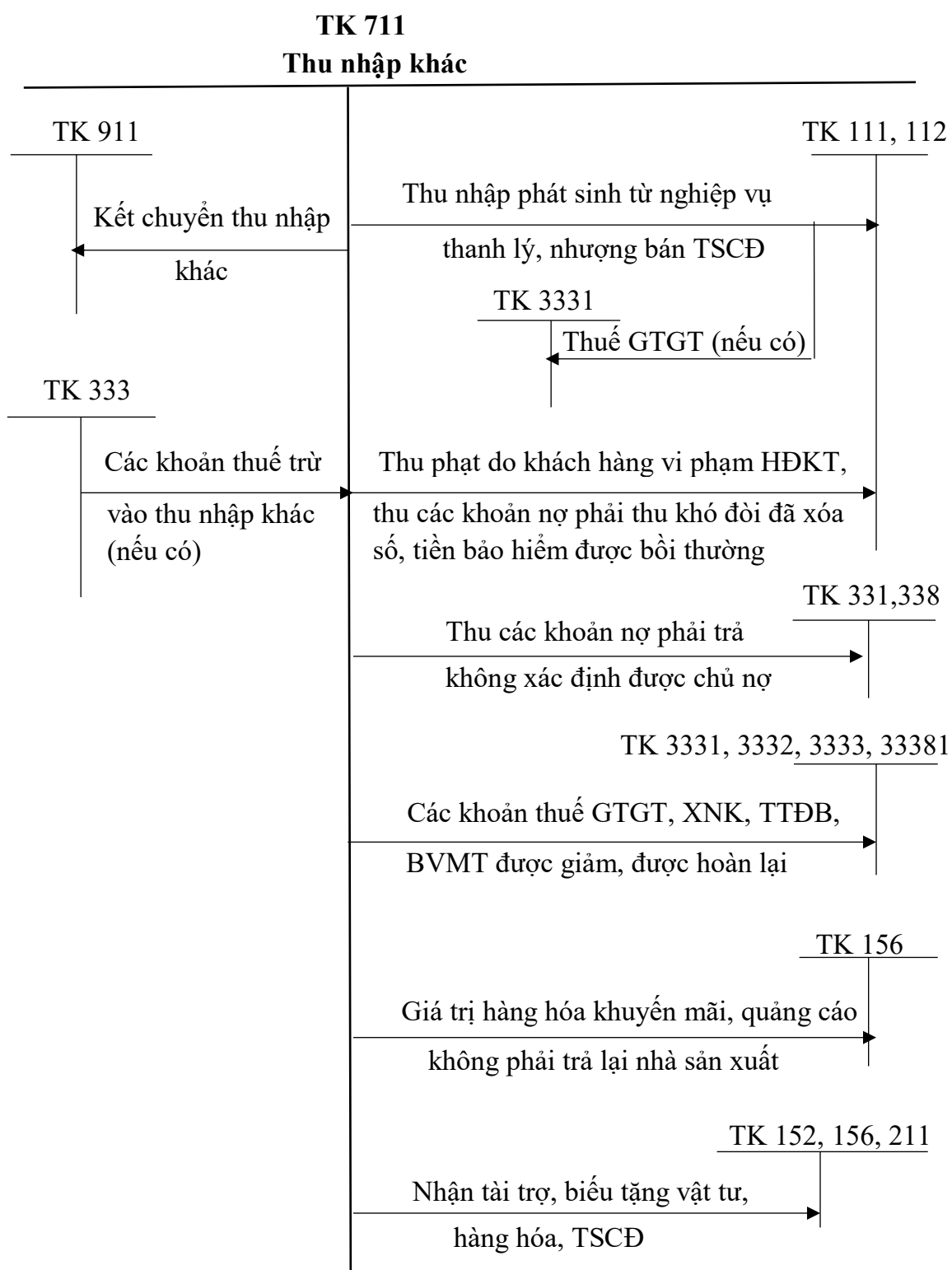
Tài khoản 711 “ Thu nhập khác

* Kết cấu tài khoản 711:

TK 711	
Nợ	Có
Thu nhập khác	
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh"	- Các khoản thu nhập khác trong kỳ
	

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3 Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.9 : Hoạch toán thu nhập khác

1.2.8 Kế toán chi phí khác

1.2.8.1 Khái niệm

Chi phí khác là khoản chi phí mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc đó là những khoản chi không mang tính chất thường xuyên. Các khoản chi phí khác phát sinh có thể cho nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp hoặc khách quan mang lại.

- Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

+ Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

+ Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

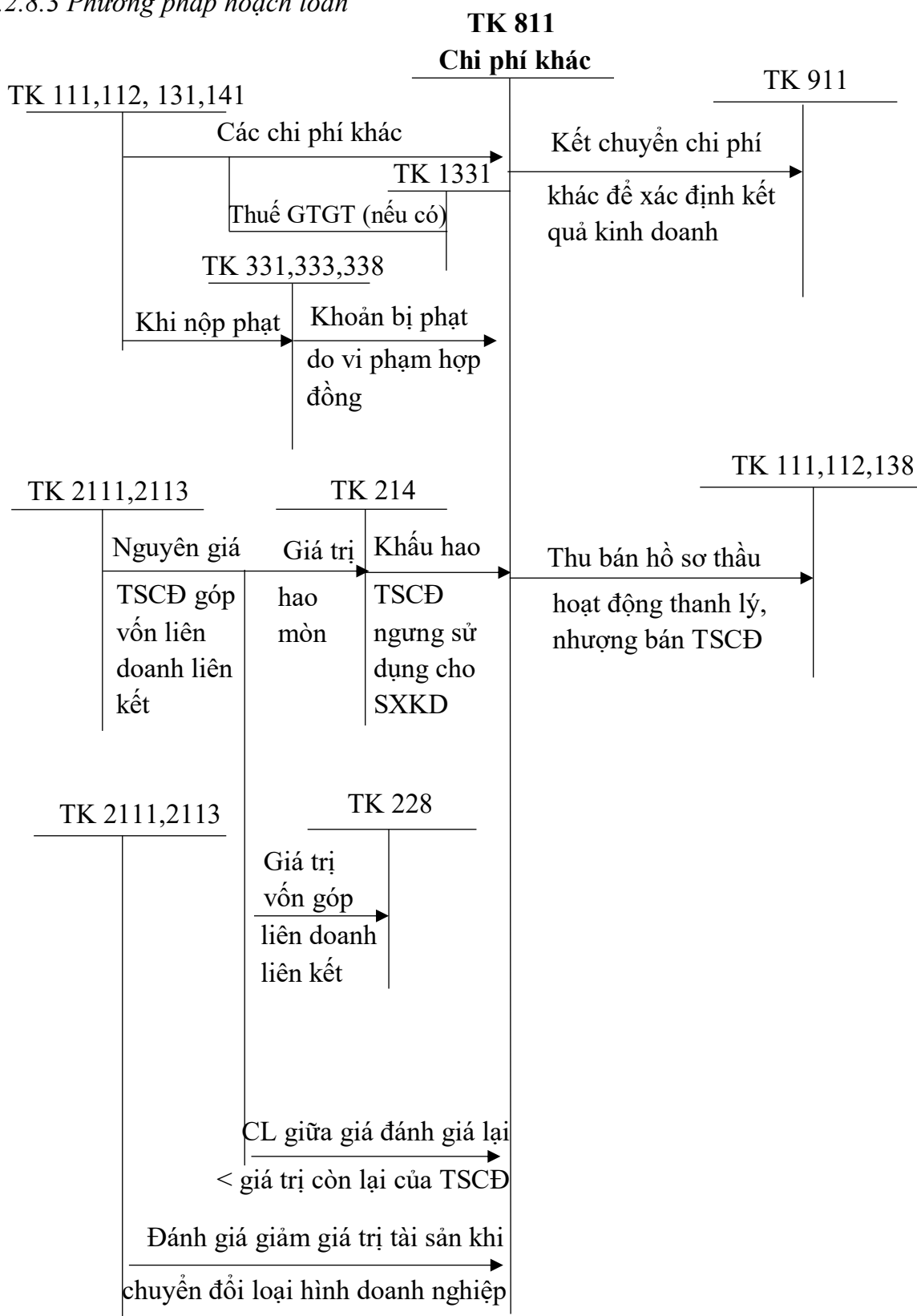
Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hoạch toán chi phí khác là tài khoản 811 “Chi phí khác”.

* Kết cấu tài khoản 811:

TK 811	
Nợ	Có
Chi phí khác	
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
	

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.8.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.9 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.9.1 Khái niệm

Chi phí thuế TNDN là tổng chi phí thuế TNDN phải nộp khi xác định lợi hoặc lỗ của một kỳ.

- Theo điều 67 thông tư 133/2016/TT-BTC chi phí thuế TNDN dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

- Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm phát hiện sai sót.

- Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố.

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

1.2.9.2 Tài khoản sử dụng

Theo điều 67 thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là Tài khoản 811.

- Tài khoản sử dụng: TK 821- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

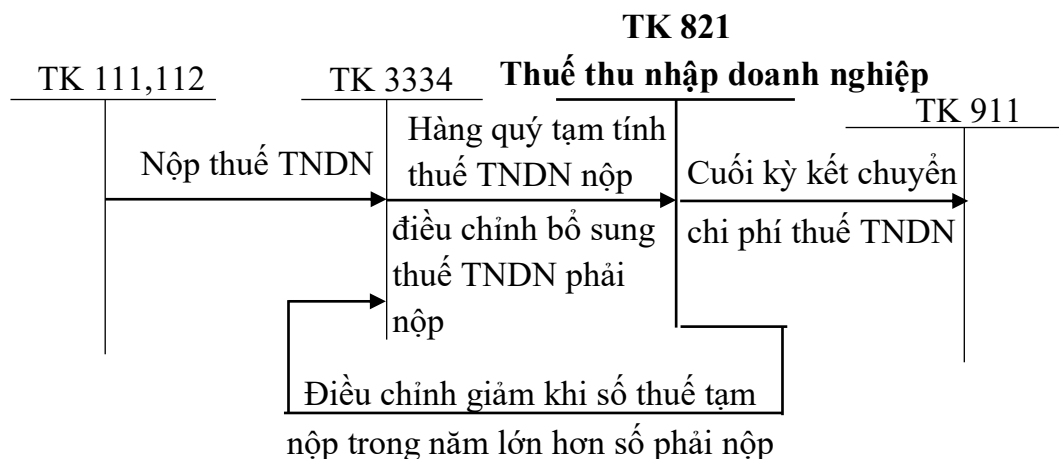
* Kết cấu tài khoản 821:

TK 821 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm	Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại	



Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.2.9.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.10 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.10.1 Khái niệm

Theo điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC xác định kết quả hoạt động kinh doanh là để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê

hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.10.2 Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán xác định kết quả kinh doanh là Tài khoản 911.

- Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

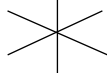
- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

- Tài khoản này không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2.

* Kết cấu tài khoản 911:

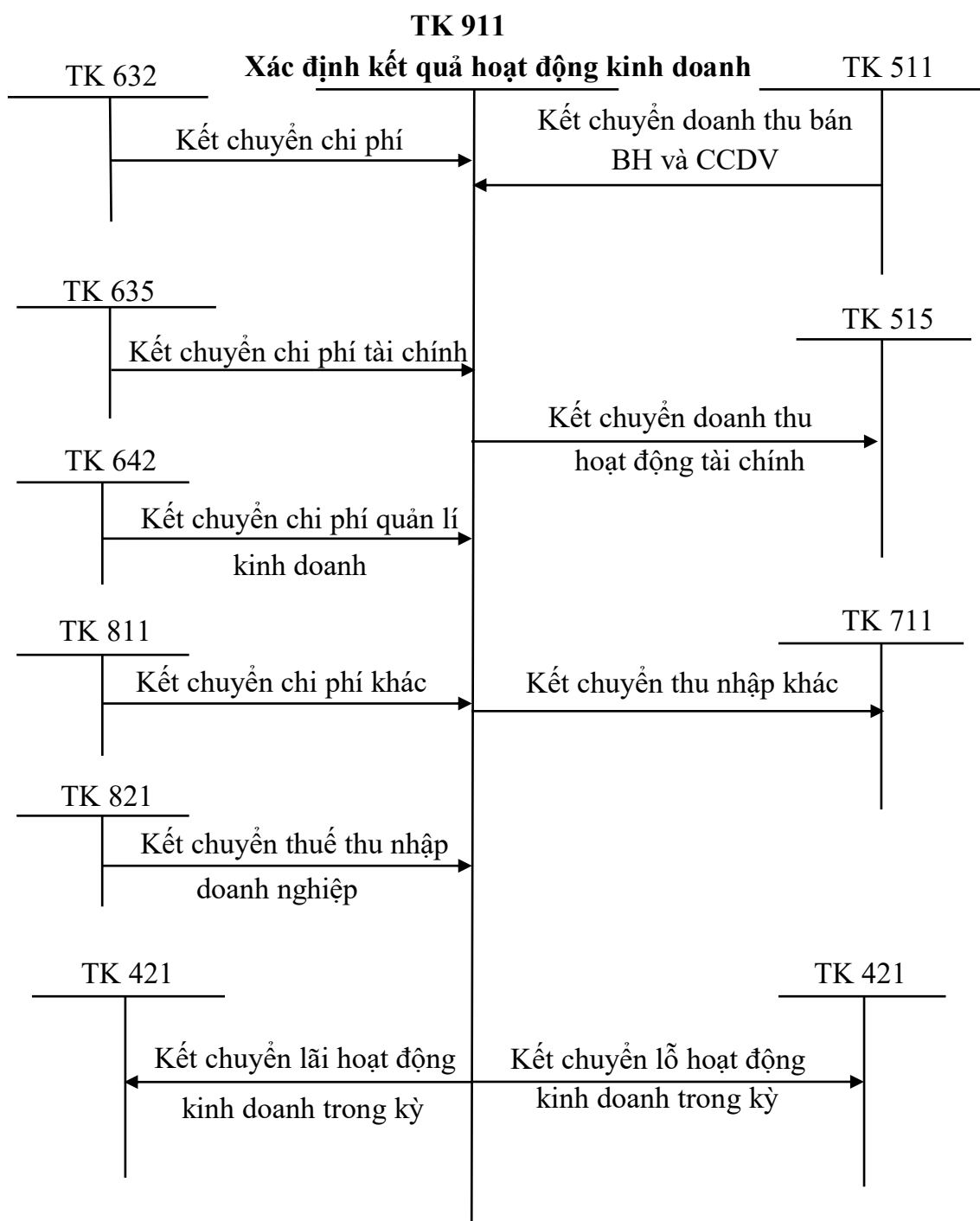
TK 911

Nợ	Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ	



Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.10.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12 : Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

2.1 Giới thiệu tổng quan về công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình

2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển công ty*

❖ Quá trình hình thành công ty

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động
- Mã số Thuế doanh nghiệp: 0402002670
- Ngày bắt đầu thành lập: 23/09/2019
- Tên người đại diện theo pháp luật: TRẦN VĂN DƯƠNG
- Loại hình pháp lý: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- Hình thức kinh doanh: Doanh nghiệp tư nhân
- Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn và bán lẻ vật liệu, thiết bị điện nước lắp đặt trong xây dựng
- Sản phẩm kinh doanh: Dây điện, bóng đèn, quạt các loại, ống nước, ổ cắm, đèn chùm trang trí..... đa dạng các loại mặt hàng lắp đặt trong xây dựng
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 378 đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

❖ Quá trình phát triển của Công Ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Thái Bình:

Công ty được thành lập từ năm 2019, với lĩnh vực kinh doanh thương mại gồm mua bán các vật tư ngành xây dựng, trang trí nội thất và vật tư ngành điện nước dân dụng. Với 4 năm hoạt động, công ty đã có một hệ thống khách hàng ổn định, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn hướng tới mục tiêu tôn trọng và bảo đảm quyền lợi cho khách hàng, chinh phục khách hàng bằng chất lượng sản phẩm.

Công ty cũng mang lại cho các thành viên công ty một môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp và một công việc ổn định, hấp dẫn. Tất cả cán bộ, nhân viên hiện đang cộng tác và làm việc tại công ty đều có nghiệp vụ chuyên môn vững vàng có trách nhiệm với công việc, giàu tính sáng tạo cùng với tinh thần làm việc đầy nhiệt huyết.

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1 Chức năng

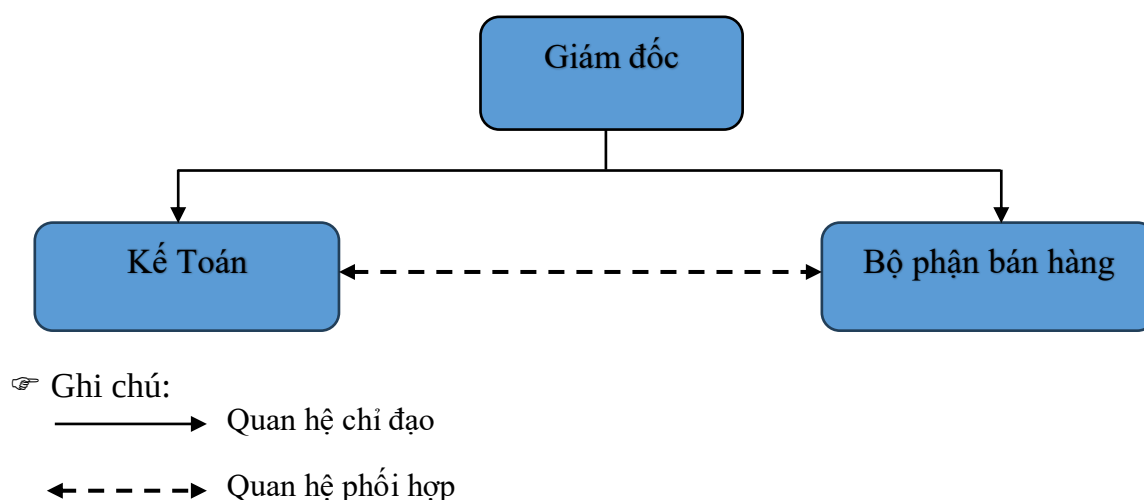
Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực thương mại do đó công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình có chức năng chính là nhà bán buôn và bán lẻ các mặt hàng phục vụ cho các công trình dân dụng, các ngành điện lực, cấp thoát nước như: Dây điện, Ống nước, công tắc điện, các thiết bị điện nước.....

2.1.2.2 Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn để không ngừng củng cố và phát triển quy mô phù hợp với chức năng và nội dung của công ty, thu được nhiều lợi nhuận đẩy mạnh sự phát triển của công ty và đảm bảo đời sống cho nhân viên.
- Thực hiện tốt các chế độ quản lý, kiểm tra tài sản, tài chính, lao động tiền lương, các chính sách Nhà nước mà công ty quy định.
- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo về thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định của Nhà nước và công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo.
- Bảo toàn phát triển tốt nguồn vốn, có lợi nhuận để tạo thêm nguồn vốn tái bổ sung cho sản xuất kinh doanh, đổi mới trang thiết bị, mở rộng thị trường buôn bán để đưa công ty ngày càng phát triển bền vững.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý kinh doanh của công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty

2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

- **Giám đốc:** Giám đốc có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý nhân sự trong doanh nghiệp. Là người tạo môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sự phát triển cá nhân và xây dựng đội ngũ nhân viên mạnh mẽ. Bên cạnh đó, giám đốc cũng phải đảm bảo việc tuyển dụng và phát triển nhân tài phù hợp với nhu cầu của công ty.

Giám đốc phải quản lý tài chính và tài nguyên của công ty một cách hiệu quả, phải đảm bảo sự cân đối giữa việc đầu tư và quản lý nguồn lực để đạt được hiệu suất kinh doanh tối ưu. Đồng thời, giám đốc cũng phải giám sát và định hướng sử dụng tài chính và tài nguyên để đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

- **Kế toán:** Đây là bộ phận không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức, đơn vị kinh doanh nào. Cũng như các phòng chuyên môn khác, kế toán không nằm ngoài mối quan hệ công tác giữa các phòng ban.

Nơi này luôn có nhiệm vụ kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Thực hiện công việc tính toán, ghi chép chính xác đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Thống nhất quan điểm cụ thể và đồng bộ trong việc phối hợp thực hiện công việc, thực hiện giữa các nhân viên kế toán trong cùng phòng và giữa phòng kế toán và các phòng ban khác.

- **Bộ phận bán hàng:** Bán hàng tư vấn, báo giá các loại sản phẩm cho khách hàng có vai trò thúc đẩy, quảng bá và phân khối các sản phẩm của công ty, tham mưu cho ban giám đốc phối hợp cùng phòng kế toán để xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm gia tăng doanh số, lợi nhuận giúp công ty tăng trưởng và phát triển.

2.2.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Căn cứ vào quy mô, địa điểm tổ chức hoạt động quản lý, công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Với quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ, công ty chỉ có một kế toán tổng hợp để trao đổi và làm việc với giám đốc.

2.1.4.2 Chức năng của nhân viên

❖ Kế toán tổng hợp:

- Theo dõi ghi chép tất cả những giao dịch phát sinh mua, bán hàng hóa trong kỳ của công ty. Lập các chứng từ kế toán phát sinh có liên quan như Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.... Theo dõi công nợ phát sinh trong kỳ, thường xuyên kiểm tra, theo dõi các khoản nợ phải thu của khách hàng để nhắc nhở, đôn đốc khách hàng trả nợ, đảm bảo nguồn vốn không bị chiếm dụng.

- Theo dõi, ghi chép số liệu về số lượng lao động, ngày công làm việc, cuối tháng tiến hành tính lương, phụ cấp, các khoản bổ sung để chi trả tiền lương, tiền công cho nhân viên công ty. Theo dõi các khoản tạm ứng tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Thực hiện việc thu, chi, theo dõi dòng tiền vào, tiền ra tại công ty. Lập các báo cáo thu, chi hằng ngày của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo yêu cầu của ban giám đốc.

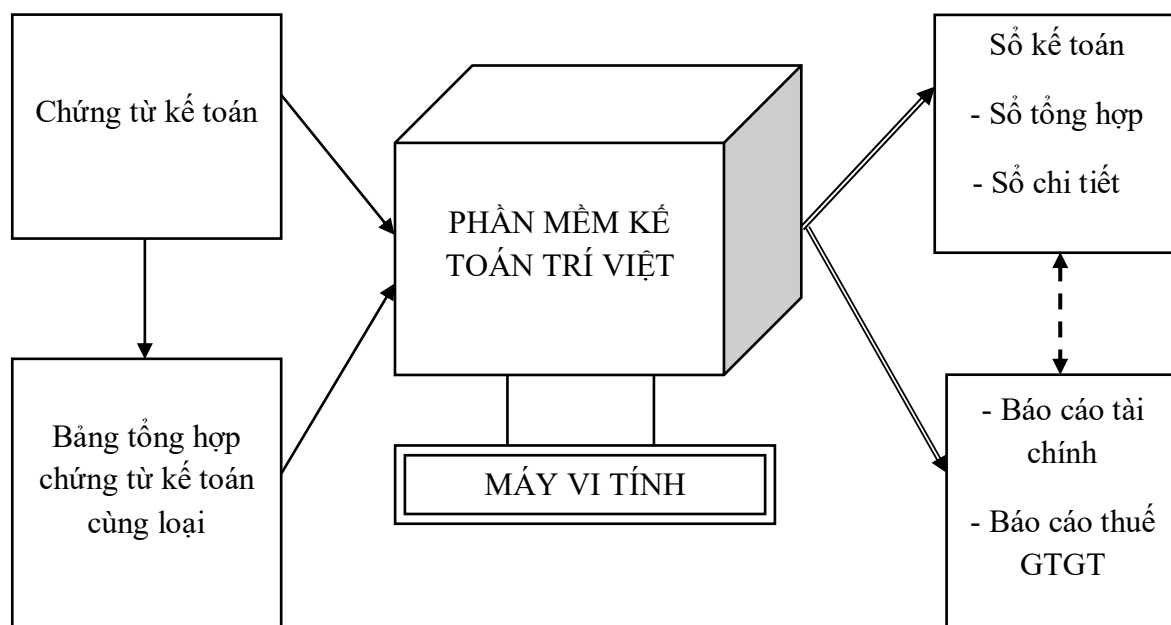
- Cuối cùng là kế toán sẽ tổng hợp các số liệu của các phần hành, lập báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác, trung thực của số liệu phát sinh trong báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị của công ty.

2.1.5 Chế độ và chính sách kế toán của công ty

- Chế độ kế toán của công ty áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt nam(VNĐ)
- Kỳ báo cáo tài chính: Theo năm
- Phương pháp kê khai thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- Quản lý bởi: Thuế Khu Vực Cẩm Lệ_Hòa Vang
- Kê khai thuế GTGT: Theo quý
- Chính sách kế toán áp dụng:
 - ☞ Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp theo đường thẳng
 - ☞ Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm
 - ☞ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Hình thức ghi sổ kế toán và quy trình ghi sổ của công ty:

- Hình thức sổ kế toán: Hiện nay công ty được sử dụng phần mềm Trí Việt (kế toán máy) phục vụ cho công tác kế toán. Phần mềm được thiết kế theo nguyên tắc hình thức “Sổ Nhật ký chung”.
- Trình tự ghi sổ kế toán như sau:



Sơ đồ 2.2 Trình tự ghi sổ kế toán máy

* Ghi chú:

- Nhập số liệu hằng ngày
- =====→ In số báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Mô tả quy trình ghi sổ kế toán máy: hằng ngày, sau khi nhận được chứng từ gốc, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra lại tính hợp lệ chứng từ, căn cứ vào đó để nhập liệu vào phần mềm kế toán. Sau khi nhập xong các dữ liệu, phần mềm sẽ tự động xử lý, cập nhật lên sổ kế toán liên quan như: Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết,... Vào cuối kỳ, kế toán tiến hành khóa sổ, thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và lập báo cáo tài chính. Phần mềm sẽ thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu giữa các sổ kế toán một cách chính xác theo dữ liệu đã được nhập trước đó.

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Cập nhật số liệu	Hoá đơn bán hàng Kiểm phiếu xuất kho
Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	Sổ kế toán công nợ phải thu	Hoá đơn bán hàng, dịch vụ
Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Báo cáo bán hàng	
Kế toán hàng tồn kho	Báo cáo phân tích lãi lỗ	Hàng bán bị trả lại Kiểm phiếu nhập kho
Kế toán chi phí và tính giá thành	Báo cáo quản trị về công nợ	Phiếu nhập hàng bán bị trả lại
Kế toán tài sản cố định		Báo giá
Kế toán tổng hợp		
Báo cáo thuế GTGT		
Báo cáo tài chính		
Hệ thống		

Mã máy: 1951120180

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: D:\XD THAI BINH\Data_Thai Binh.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions

Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng

Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh

Website: www.phanmemtriviet.com

Mail: thinhsoft@gmail.com

Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Trí Việt

2.2 Thực trạng công tác kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1 Đặc điểm kinh doanh

Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình kinh doanh các nhóm mặt hàng chủ yếu như :

- Nhóm mặt hàng về thiết bị điện: Dây điện, bóng đèn led các loại, tủ điện, ổ cắm điện, atomat, đèn chùm trang trí, quạt điện..... và cùng các thiết bị phụ kiện dân dụng khác.
- Nhóm mặt hàng về thiết bị nước: Ống nhựa PVC, bồn nước, máy bơm nước, van vòi,.... cùng các loại phụ kiện khác.
- Nhóm mặt hàng đồ sắt – kim khí: Đinh, ốc vít, que hàn, máy khoan, máy cưa,...là sản phẩm phục vụ cho công việc của thợ xây dựng, thợ sắt, thợ mộc,...

2.2.1.2 Phương thức bán hàng

- Bán buôn: Công ty áp dụng phương thức bán sản phẩm, hàng hóa qua kho với số lượng lớn. Bán buôn cho các công ty đã mua nhiều lần, nhằm hướng tới khách hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp xây dựng,...
- Bán lẻ: là hình thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng tại cửa hàng với số lượng ít. Khách hàng sẽ đến tại cửa hàng của công ty lựa chọn, mua sản phẩm và trực tiếp thanh toán tại chỗ. Nhân viên bán hàng sẽ trực tiếp tư vấn, báo giá sản phẩm cho khách hàng.

2.2.1.3 Phương thức thanh toán

- Thanh toán tiền mặt
- Thanh toán qua ngân hàng
- Theo dõi công nợ

2.2.1.4 Tài khoản sử dụng

Tk 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Tài khoản này công ty mở 1 có TK cấp 2:

- Tài khoản 5111 - “Doanh thu bán hàng hóa”

2.2.1.5 Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái 511

- Sổ nhật ký chung

2.2.1.6 Quy trình luân chuyển chứng từ

Bán buôn: Khi khách hàng là các công ty có nhu cầu mua hàng, khách hàng sẽ liên hệ qua điện thoại hoặc đến trực tiếp tại cửa hàng của công ty để mua hàng với số lượng lớn, tại đây khách hàng sẽ được nhân viên bán hàng giới thiệu về các loại sản phẩm của công ty với các mức giá tương ứng. Sau khi, khách hàng chọn được danh mục sản phẩm cần mua, kế toán lập đơn đặt hàng (viết tay) và kiểm tra lượng hàng trên hệ thống, tiến hành chốt đơn đặt hàng với khách hàng. Nhân viên bán hàng căn cứ vào đơn đặt hàng tiến hành giao hàng cho khách. Căn cứ vào đơn đặt hàng kế toán xuất hóa đơn GTGT. Khách hàng tiến hành nhận hàng kèm hóa đơn GTGT và thanh toán. Khách hàng thanh toán ngay, nhân viên bán hàng nhận tiền và kế toán căn cứ lập phiếu thu tiến hành hạch toán vào sổ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Nếu khách hàng chưa thanh toán, kế toán sẽ ghi nhận vào sổ công nợ để theo dõi. Kế toán ghi nhận doanh thu, nhập liệu vào phần mềm Trí Việt và phần mềm tích hợp lên hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, hệ thống phần mềm sẽ tự động lên sổ cái 511, nhật ký chung và các chứng từ liên quan.

Bán lẻ: Khi khách hàng là khách lẻ đến cửa hàng của công ty để mua hàng, tại đây khách hàng sẽ được nhân viên bán hàng giới thiệu về các loại sản phẩm của công ty với các mức giá tương ứng. Sau khi, khách hàng chọn được món hàng mà mình mua, nhân viên bán hàng sẽ giao hàng cho khách, khách hàng nhận hàng và thanh toán. Nếu khách hàng yêu cầu xuất hóa đơn GTGT, kế toán tiến hành xuất hóa đơn GTGT cho khách. Sau đó, căn cứ vào chứng từ kế toán ghi nhận doanh thu, hạch toán vào sổ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Trường hợp, khách lẻ không yêu cầu hóa đơn GTGT, kế toán công ty sử dụng sổ bán hàng viết tay để thống kê số lượng hàng bán trong ngày. Định kỳ, từ 5 đến 10 ngày kế toán sẽ tổng hợp lại sổ hàng hóa bán được và tiến hành xuất hóa đơn GTGT với nội dung “khách lẻ không lấy hóa đơn”. Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán tiến hành hạch toán vào sổ ghi nhận doanh thu, nhập liệu vào phần mềm Trí Việt và phần mềm tích hợp lên hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, hệ thống phần mềm sẽ tự động lên sổ cái 511, nhật ký chung và các chứng từ liên quan.

2.2.1.7 Các nghiệp vụ minh họa:

❖ Nghiệp vụ minh họa 1: Bán buôn

Ngày 12/09/2023, công ty xuất hàng bán cho Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Nguyễn Đình Thọ với tổng đơn giá 12.430.000 đồng (giá chưa bao gồm VAT 8%). Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

☞ Kế toán hoạch toán như sau:

Nợ 1111 13.424.400 đồng

Có 511 12.430.000 đồng

Có 3331 994.400 đồng

☞ Kế toán ghi nhận doanh thu như sau:

Căn cứ vào đơn đặt hàng (viết tay) kế toán tiến hành xuất hóa đơn GTGT cho khách

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH					
Mã số thuế: 0402002670					
Địa chỉ: Số 378 đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam					
Điện thoại: 0986396186					
Số tài khoản: 79797775678 - Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu -Phòng Giao Dịch Thanh Khê-Chí					
Nhánh Đà Nẵng - Chi Nhánh Đà Nẵng					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: 1C23TTB	
Ngày 12 tháng 09 năm 2023				Số: 00000022	
Mã CQT: 00C9AD11236CB94E70934AE1B74AF4B7CC					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC NGUYỄN ĐÌNH THỌ					
Mã số thuế: 0402073079					
Địa chỉ: 16 Trịnh Hoài Đức, Phường Khuê Trung, Tỉnh Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
Số tài khoản:					
Đồng tiền thanh toán: VND					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quạt trần đảo TD105	Cái	3,00	600.000	1.800.000
2	Bóng Tube T8 LED thủy tinh 1m2 20W trắng	Cái	40,00	115.000	4.600.000
3	Dây điện VCmo 2 x 4 - 300/500V	Mét	100,00	32.450	3.245.000
4	ống 20 PN10 PPR Dekko	Cây	35,00	35.000	1.225.000
5	Cơ PVC-U dn21-PN15-(KS4)	Cái	30,00	5.000	150.000
6	Lõi 21 D	Cái	10,00	5.000	50.000
7	T 21D	Cái	20,00	7.000	140.000
8	Nối 21D	Cái	20,00	5.000	100.000
9	Bit 27 ST	Cái	10,00	4.000	40.000
10	Kéo dán ống PVC 200G	Lon	2,00	60.000	120.000
11	Ván 21	Cái	15,00	40.000	600.000
12	Automat	Cái	2,00	180.000	360.000
Cộng tiền hàng:					12.430.000
Thuế suất GTGT:			8%	Tiền thuế GTGT:	994.400
Tổng tiền thanh toán:					13.424.400
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		
			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH Ký ngày: 12/09/2023		
Tra cứu tại Website: https://www.mcinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: IMTRTE_6Z50					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Phát hành bởi phần mềm MISA mcInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150					

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 00000022

Dựa vào hóa đơn GTGT số 00000022 ngày 12/09/2023 đã phát hành, kế toán sẽ ghi nhận doanh thu lưu trữ vào phần mềm kế toán của công ty. Phiếu xuất kho được tạo ra từ dữ liệu đã nhập trên hóa đơn GTGT “Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho”. Sau khi nhập thông tin phần mềm sẽ tự động định khoản và cập nhập thông tin và vào nhật ký chung, sổ cái 511 và các tài khoản liên quan khác.

Hóa Đơn Bán Hàng Kiêm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: NGUYỄN DINH... CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ T... Ngày CT: 12/09/2023 Số CT: 000022 Hạn t. toán: 0

Họ tên n. mua: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC NGUYỄN ĐÌNH T... Phương thức TT: Bằng tiền mặt PT giao hàng: ...

Lý do chứng từ: Bán hàng Mã NV quản lý: ... Chọn giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: 16 Trịnh Hoài Đức, Phường Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP... Nhân viên Order: ... Đ. chỉ giao hàng: ...

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K. mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Ng	TK Có
QUAT TRAN C	Quạt trần đảo TD 105	Cái	3	600,000	1,800,000		288,000	864,000	1111	5111
BONG TUBE T	Bóng Tube T8 LED Thủy tinh 1m2	Cái	40	115,000	4,600,000		45,455	1,818,200	1111	5111
DAY DIEN VC	Dây điện VCmo 2 x4 -300/500v	Mét	100	32,450	3,245,000		21,000	2,100,000	1111	5111
ONG 20 PN10	ống 20 PN10 PPR Dekko	cây	35	35,000	1,225,000		32,000	1,120,000	1111	5111
CO PVC-U DN	Có PVC-U dn21-PN15-(KS4)	cái	30	5,000	150,000		1,884	56,520	1111	5111
LOI 21D	Lõi 21 D	Cái	10	5,000	50,000		1,482	14,820	1111	5111
T 21D	T 21D	Cái	20	7,000	140,000		2,184	43,680	1111	5111
NOI 21D	Nội 21D	Cái	20	5,000	100,000		1,248	24,960	1111	5111
BIT 27 ST	Bit 27 ST	Cái	10	4,000	40,000		651	6,510	1111	5111

Tổng tiền vốn: 6,383,348
Tiền CK: 0
Tiền hàng: 12,430,000
Tiền hàng sau CK: 12,430,000
Tiền thuế: 994,400
Tổng hoá đơn: 13,424,400
Tổng hạch toán: 13,424,400

Hàng hóa: DAY DIEN VC MO 2 X4 / tồn (kho CHÍNH) : 100.00; Thanh toán đủ phiếu thu số: 000002 (13,424,400)

Thuế - Ghi Nợ 1111 Ghi Có 3331 Vụ việc

Hình 2.3: Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

❖ Nghiệp vụ minh họa 2: Bán lẻ

Ngày 21/09/2023, kế toán tổng hợp lại sổ bán hàng (viết tay) được ghi “khách lẻ không lấy hóa đơn” từ ngày 11 đến ngày 21 tháng 09 năm 2023 tiến hành xuất hóa đơn số 00000024 với tổng đơn giá là 2.323.500 đồng (chưa bao gồm VAT 8%). Tất cả khách hàng đều thanh toán bằng tiền mặt.

☞ **Kế toán hạch toán như sau:**

Nợ 1111 2.509.380 đồng
 Có 511 2.323.500 đồng
 Có 3331 185.880 đồng

☞ **Kế toán ghi nhận doanh thu như sau:**

- Căn cứ vào sổ bán hàng đã ghi trên giấy từ ngày 11 đến ngày 21 tháng 09 năm 2023 kế toán tiến hành xuất hóa đơn GTGT với nội dung “Khách lẻ không lấy hóa đơn GTGT”

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
 Mã số thuế: 0402002670
 Địa chỉ: Số 378 đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: 0986396186
 Số tài khoản: 797977775678 - Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu - Phòng Giao Dịch Thanh Khê-Chí
 Nhánh Đà Nẵng - Chi Nhánh Đà Nẵng



Ký hiệu: IC23TTB
 Số: **00000024**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Ngày 21 tháng 09 năm 2023
 Mã CQT: 00DB3DB4927C0649EC98F916C1247B2D5F

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: KHÁCH LẺ KHÔNG LẤY HOÁ ĐƠN

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	A300 DEN	Cái	5,00	185.000	925.000
2	A300 DEN	Cái	2,00	55.000	110.000
3	BINH XIT TAY RI RP7	bình	3,00	85.000	255.000
4	BIT 40 PPR DEKKO	Cái	5,00	5.500	27.500
5	CAY CHONG GO 4M	Cây	10,00	30.000	300.000
6	CO PVC -U DN49-PN12	Cái	20,00	12.000	240.000
7	CO PVC -U DN49-PN12	Cái	15,00	13.000	195.000
8	DAY DU 5 MM	Mét	20,00	5.000	100.000
9	giảm 42 x27	Cái	12,00	5.500	66.000
10	Ky hốt rác Inox	Cái	3,00	35.000	105.000
Cộng tiền hàng:					2.323.500
Thuế suất GTGT:			8%	Tiền thuế GTGT:	185.880
Tổng tiền thanh toán:					2.509.380
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai triệu năm trăm linh chín nghìn ba trăm tám mươi đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ
XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Ký ngày: 21/09/2023

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn: **0DTPT9JJ28_**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 00000024

Dựa vào hóa đơn GTGT số 00000024 ngày 21/09/2023 đã phát hành, kế toán sẽ ghi nhận doanh thu lưu trữ vào phần mềm kế toán của công ty. Phiếu xuất kho được tạo ra từ dữ liệu đã nhập trên hóa đơn GTGT “Hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho”.

Sau khi nhập thông tin phần mềm sẽ tự động định khoản và cập nhập thông tin và vào nhật ký chung, sổ cái 511 và các tài khoản liên quan khác.

Hoá Đơn Bán Hàng Kèm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: KHACH LE Khách Lê Ngày CT: 21/09/2023 Số CT: 000024 Hạn t.toán: 0

Họ tên n. mua: Khách Lê Phương thức TT: Bằng tiền mặt PT giao hàng: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng Mã NV quản lý: Chọn giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: Nhân viên Order: Đ. chỉ giao hàng:

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Ng	TK Có
A300 DEN	A300 Đen	ống	5.000	185,000.000	925,000		50,000.000	250,000	1111	5111
BINH XIT TA'	Bình xịt tẩy ri RP7	Bình	3.000	85,000.000	255,000		72,560.000	217,680	1111	5111
CO PVC -U DN	Co PVC-U dn49-PN12-(KS2)	cái	20.000	12,000.000	240,000		10,284.000	205,680	1111	5111
DÂY DU 5 MM	Dây dù 5mm	m	20.000	5,000.000	100,000		3,500.000	70,000	1111	5111
KY HOT RAC I	Ky hốt rác Inox	Cái	3.000	35,000.000	105,000		30,000.000	90,000	1111	5111
A300 DEN	A300 Đen	ống	2.000	55,000.000	110,000		50,000.000	100,000	1111	5111
BIT 40 PPR DI	Bit 40 PPR Dekko	cái	5.000	5,500.000	27,500		3,927.000	19,635	1111	5111
CAY CHONG C	Cây chống gỗ 4m	Cây	10.000	30,000.000	300,000		27,500.000	275,000	1111	5111
Co 45 PVC-U	Co 45 PVC-U dn49-PN12	Cái	15.000	13,000.000	195,000		10,597.000	158,955	1111	5111

Record: 1 of 10

Tính VAT: ☐ Xóa VAT: ☐ Thêm: ☐ ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☐ Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành

Ký hiệu: 1C23TTB Phân bố: Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT

Seri hoá đơn: 00000024 Tên cơ sở KD: Công Ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Thái Bình

Ngày hoá đơn: 21/09/2023 Địa chỉ: Lô 32,33-B1 Đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ

Loại VAT: 8% Mã số thuế: TK n.hàng

Tiền hàng: 2,323,500 Tên hàng hoá: Tên k.toán

Tiền VAT: 185,880 Ghi chú: ☐ Giảm thuế

Thuế - Ghi Nợ: 1111 Ghi Có: 3331 Vụ việc:

Tổng tiền vốn: 1,424,390

Tiền CK: 0

Tiền hàng: 2,323,500

Tiền hàng sau CK: 2,323,500

Tiền thuế: 185,880

Tổng hoá đơn: 2,509,380

Tổng hạch toán: 2,509,380

Hàng hóa: A300 DEN / tồn (kho CHÍNH) : 18.00; Thanh toán còn thiếu 754,380, phiếu thu số: 000003 (1,755,000)

Khóa sổ / Mở sổ: Đã thu: Thẻ kho: Khóa DL: Thêm: Xóa: In hoá đơn: Phiếu xuất: Phiếu g.hàng: Phiếu KT: Quay ra:

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình 2.5: Trích giao diện hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho

Để mở và xem thông tin sổ nhật ký chung trên phần mềm Trí Việt thì kế toán sẽ thực hiện những thao tác sau: Nhấn chọn “**Kế toán tổng hợp**” → “**Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**” → “**Nhật ký chung**” sau đó, tích chọn thời gian “Trọn năm” để xem.

TRÍ VIỆT Accounting Office 10

Version : 10.22.0030

Hỗ trợ trực tuyến

Cấm dm >>

Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán chi phí và tính giá thành
- Kế toán tài sản cố định
- Kế toán tổng hợp**
- Báo cáo thuế GTGT
- Báo cáo tài chính
- Hệ thống

Kế toán tổng hợp

- Cập nhật số liệu
- Số kế toán theo hình thức CTGS
- Số kế toán theo hình thức nhật ký chung**
- Truy vấn, tìm kiếm dữ liệu

Số kế toán theo hình thức nhật ký chung

- Số nhật ký chung
- Số nhật ký thu tiền
- Số nhật ký chi tiền
- Số cái tổng hợp
- Số cái
- Số chi tiết tài khoản

Mã máy: 1951120100

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: D:\XD THAI BINH\Data_Thai Binh.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions

Add: 77/17 Lê Duẩn - Đà Nẵng

Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh

Website: www.phanmentriviet.com

Mail: thinhsoft@gmail.com

Hình 2.6: Giao diện mở sổ Nhật Ký Chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan,
P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Mẫu số: S03a - DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
12/09/2023	000022	12/09/2023	Bán hàng theo HĐ số 00000022				
			Tiền Việt Nam	X	1111	13.424.400	0
			Doanh thu bán hàng	X	5111	0	12.430.000
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331	0	994.400
12/09/2023	000022	12/09/2023	Xuất hàng theo HĐ số 00000022				
			Giá vốn hàng bán	X	632	6.383.348	0
			Hàng hóa	X	156	0	6.383.348
18/09/2023	000023	18/09/2023	Bán hàng theo HĐ số 00000023				
			Tiền Việt Nam	X	1111	5.889.780	
			Doanh thu bán hàng	X	5111		5.453.500
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331		436.280
18/09/2023	000023	18/09/2023	Xuất hàng theo HĐ số 00000023				
			Giá vốn hàng bán	X	632	4.418.500	
			Hàng hóa	X	156		4.418.500
21/09/2023	000024	21/09/2023	Bán hàng theo HĐ số 00000024				
			Tiền Việt Nam	X	1111	2.509.380	0
			Doanh thu bán hàng	X	5111	0	2.323.500
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331	0	185.880
21/09/2023	000024	21/09/2023	Xuất hàng theo HĐ số 00000024				
			Giá vốn hàng bán	X	632	1.424.390	0
			Hàng hóa	X	156	0	1.424.390
...	...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng			1.256.307.841	1.256.307.841

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.1 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan,
P.Hòa Xuân,Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng

Mẫu số: S02c1 - DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
	Số	Ngày			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...
12/09/2023	000022	12/09/2023	Doanh thu bán hàng theo hóa đơn số : 00000022	1111	0	12.430.000
18/09/2023	000023	18/09/2023	Doanh thu bán hàng theo hóa đơn số : 00000023	1111	0	5.453.500
21/09/2023	000024	21/09/2023	Doanh thu bán hàng theo hóa đơn số : 00000024	1111	0	2.323.500
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2023	KC-000001	30/09/2023	KC doanh thu bán hàng sang KQ SXKD	911	60.562.000	0
			Tổng cộng số phát sinh		697.350.895	697.350.895
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		697.350.895	697.350.895
			Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(Kí, họ tên)

Biểu 2.2: Sổ cái 511

2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2023, công ty không phát sinh các nghiệp vụ giảm trừ doanh thu nên doanh nghiệp không hoạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1 Đặc điểm

Giá vốn hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán. Công ty tính giá vốn hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm. Sau mỗi lần nhập, phần mềm sẽ tự động xác định đơn giá bình quân của từng loại hàng hóa.

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT- BTC công ty sử dụng tài khoản 632_ “Giá vốn hàng bán” để theo dõi giá vốn hàng bán.

2.2.3.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

❖ Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung

- Sổ cái TK 632

2.2.3.4 Quy trình luân chuyển chứng từ

Căn cứ vào hoá đơn GTGT đã trình bày ở phần kế toán doanh thu, kế toán tích hợp lên phần mềm hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn hàng bán. Sau khi thực hiện thao tác tính giá xuất kho thì phần mềm sẽ tự động cập nhật đơn giá vốn lên phiếu xuất kho và thông tin trên sổ nhật ký chung và sổ cái TK 632.

2.2.3.5 Các nghiệp vụ minh họa:

❖ **Nghiệp vụ minh họa 1:** Ngày 12/09/2023, công ty bán hàng hóa cho Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Nguyễn Đình Thọ theo hóa đơn số 00000022, kế toán lập phiếu xuất kho:

Nợ 632 6.383.348 đồng

Có 156 6.383.348 đồng

Hoá Đơn Bán Hàng Kiêm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: NGUYỄN DINH THỌ CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC NGUYỄN ĐÌNH THỌ Ngày CT: 12/09/2023 Số CT: 000022 Hạn t.toán: 0

Họ tên n. mua: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TIN HỌC NGUYỄN ĐÌNH THỌ Phương thức TT: Bằng tiền mặt PT giao hàng: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng Mã NV quản lý: Chon giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: 16 Trịnh Hoài Đức, Phường Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. HCM Nhân viên Order: Đ. chỉ giao hàng

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có
QUAT TRAN T	Quat trần đảo TD 105	Cái	3	600,000	1,800,000		288,000	864,000	1111	5111
BONG TUBE T	Bóng Tube T8 LED Thủy tinh 1m2	Cái	40	115,000	4,600,000		45,455	1,818,200	1111	5111
DAY DIEN VCI	Dây điện VCmo 2 x4 -300/500v	Mét	100	32,450	3,245,000		21,000	2,100,000	1111	5111
ONG 20 PN10	ống 20 PN10 PPR Dekko	cây	35	35,000	1,225,000		32,000	1,120,000	1111	5111
CO PVC-U DN	Co PVC-U dn21-PN15-(KS4)	cái	30	5,000	150,000		1,884	56,520	1111	5111
LOI 21D	Lối 21 D	Cái	10	5,000	50,000		1,482	14,820	1111	5111
T 21D	T 21D	Cái	20	7,000	140,000		2,184	43,680	1111	5111
NOI 21D	Nối 21D	Cái	20	5,000	100,000		1,248	24,960	1111	5111
BIT 27 ST	Bit 27 ST	Cái	10	4,000	40,000		651	6,510	1111	5111

Record: 14 of 12

Tính VAT: Xóa VAT: Thêm

Tính VAT với chiết khấu sau thuế: Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành

Ký hiệu: 1C23TTB Phân bố: Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT

Seri hoá đơn: 00000022 Tên cơ sở KD: Công Ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Thái Bình

Ngày hoá đơn: 12/09/2023 Địa chỉ: Lô 32,33-B1 Đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ

Loại VAT: 8% Mã số thuế: TK n.hàng

Tiền hàng: 12,430,000 Tên hàng hoá: Tên k.toán

Tiền VAT: 994,400 Ghi chú: Giảm thuế

Thuế - Ghi Nợ: 1111 Ghi Có: 33311 Vụ việc:

Tổng tiền vốn: 6,383,348

Tiền CK: 0

Tiền hàng: 12,430,000

Tiền hàng sau CK: 12,430,000

Tiền thuế: 994,400

Tổng hoá đơn: 13,424,400

Tổng hạch toán: 13,424,400

Hàng hóa: DAY DIEN VCmo 2 X4 / tôn (kho CHÍNH) : 100.00; Thanh toán đủ phiếu thu số: 000002 (13,424,400)

Khóa sổ / Mở sổ: Đã thu: Thê kho: Khoá DL: Thêm: Xóa: In hoá đơn: Phiếu xuất: Phiếu B.hàng: Phiếu KT: Quay ra

Record: 14 of 1 (Filtered)

Hình 2.7: Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước
Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 09 năm 2023 Số : 000022

Nợ: 632
Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH Công Nghệ Tin Học Nguyễn Đình Thọ
Địa chỉ (bộ phận) :
Lý do xuất kho : Bán hàng
Xuất tại kho Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quạt trần đảo TD 105	Cái	3	288,000	864,000
2	Bóng Tube T8 LED Thủy tinh 1m2	Cái	40	45,455	1,818,200
3	Dây điện Vcmo 2x4 -300/500v	Mét	100	21,000	2,100,000
4	ống 20 PN10 PPR Dekko	Cây	35	32,000	1,120,000
5	Có PVC -U dn21-PN15-(KS4)	Cái	30	1,884	56,520
6	Lõi 21 D	Cái	10	1,482	14,820
7	T 21D	Cái	20	2,184	43,680
8	Nối 21D	Cái	20	1,248	24,960
9	Bit 27 ST	Cái	10	651	6,510
10	Keo dán ống PVC 200G	Lon	2	29,728	59,456
11	Van 21	Cái	15	10,686	160,290
12	Automat PS45N 2P40A	Cái	2	57,456	114,912
Cộng tiền hàng					6,383,348

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Sáu triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 2023.

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.3: Trích phiếu xuất kho số 000022

❖ **Nghiệp vụ minh họa 2:** Ngày 21/09/2023, công ty xuất hàng bán cho khách lẻ theo hóa đơn số 00000024, kế toán lập phiếu xuất kho:

Nợ 632 1.424.390 đồng

Có 156 1.424.390 đồng

Hoá Đơn Bán Hàng kiêm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: KHACH LE Khách Lẻ Ngày CT: 21/09/2023 Số CT: 000024 Hạn t. toán: 0

Họ tên n. mua: Khách Lẻ Phương thức TT: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng Mã NV quản lý: Chọn giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: Nhân viên Order: Địa chỉ giao hàng:

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Ng	TK Có
A300 DEN	A300 Đen	ống	5	185,000	925,000		50,000	250,000	131	5111
BINH XIT TA'	Bình xịt tẩy rí RP7	Bình	3	85,000	255,000		72,560	217,680	131	5111
CO PVC -U DN	Có PVC-U dn49-PN12-(KS2)	cái	20	12,000	240,000		10,284	205,680	131	5111
DAY DU 5 MM	Dây dù 5mm	m	20	5,000	100,000		3,500	70,000	131	5111
KY HOT RAC I	Ky hốt rác Inox	Cái	3	35,000	105,000		30,000	90,000	131	5111
A300 DEN	A300 Đen	ống	2	55,000	110,000		50,000	100,000	131	5111
BIT 40 PPR DE	Bit 40 PPR Dekko	cái	5	5,500	27,500		3,927	19,635	131	5111
CAY CHONG G	Cây chống gỗ 4m	Cây	10	30,000	300,000		27,500	275,000	131	5111
Co 45 PVC-U	Co 45 PVC-U dn49-PN12	Cái	15	13,000	195,000		10,597	158,955	131	5111

Record: 14 of 10

Tính VAT Xóa VAT Thêm ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☒ Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành

Ký hiệu: 1C23TTB Phân bố: Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT

Seri hoá đơn: 00000024 Tên cơ sở KD: Công Ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Thái Bình

Ngày hoá đơn: 21/09/2023 Địa chỉ: Lô 32,33-B1 Đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ

Loại VAT: 8% Mã số thuế: TK n.hàng

Tiền hàng: 2,323,500 Tên hàng hoá: Tên k. toán:

Tiền VAT: 185,880 Ghi chú: ☐ Giảm thuế

Thuế - Ghi Ng: 131 Ghi Có: 33311 Vụ việc:

Tổng tiền vốn: 1,424,390

Tiền CK: 0

Tiền hàng: 2,323,500

Tiền hàng sau CK: 2,323,500

Tiền thuế: 185,880

Tổng hoá đơn: 2,509,380

Tổng hạch toán: 2,509,380

Hàng hóa: Co 45 PVC-U dn49 / (tên (kho CHÍNH)): 20.00; Thanh toán còn thiếu 754,380, phiếu thu số: 000003 (1,755,000)

Khóa số / Mở số: Đã thu Thê kho Khoá DL Thêm Xóa In hoá đơn Phiếu xuất Phiếu B.hàng Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình 2.8: Trích giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước
Lan, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 09 năm 2023

Số : 000024

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Khách lẻ

Địa chỉ (bộ phận) :

Lý do xuất kho : Bán hàng

Xuất tại kho Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	A300 Đen	Ống	5	50,000	250,000
2	Bình xịt tẩy ri RP7	Bình	3	72,560	217,680
3	Co PVC-U dn49-PN12-(KS2)	Cái	20	10,284	205,680
4	Dây dù 5mm	m	20	3,500	70,000
5	Ky hốt rác Inox	Cái	3	30,000	90,000
6	A300 Đen	Ống	2	50,000	100,000
7	Bịt 40 PPR Dekko	Cái	5	3,927	19,635
8	Cây chống gỗ 4m	Cây	10	27,500	275,000
9	Co 45 PVC-U dn 49-PN12	Cái	15	10,597	158,955
10	Giảm 42 x27	Cái	12	3,120	37,440
Tổng tiền hàng					1,424,390

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Một triệu bốn trăm hai mươi tư ngàn ba trăm chín mươi đồng

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 2023

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4: Trích phiếu xuất kho số 000024

Để mở và xem thông tin sổ Nhật ký chung trên phần mềm TRÍ VIỆT kế toán sẽ thực hiện những thao tác sau: Nhấn chọn " Kế toán tổng hợp" - " Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung " → " Nhật ký chung " → sau đó tích chọn thời gian " Trọn năm" - tiếp đến chọn hình thức in " In theo từng tài khoản" → và cuối cùng "xuất Excel" để xem nhật ký chung.

Thông tin trên phiếu xuất kho sẽ được hiển thị trên sổ cái TK 632. Để mở sổ cái TK 632 kế toán thực hiện những thao tác sau: Kích chọn " Kế toán tổng hợp" → " Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung" – "Sổ cái " sau đó tích chọn thời gian " Trọn năm" → chọn tài khoản giá bán hàng bán " TK 632" → sau đó chọn hình thức in " In theo từng tài khoản" → và cuối cùng " Xuất Excel " để xuất báo cáo.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
 Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan,
 P.Hòa Xuân,Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của BTC)

NHẬT KÝ CHUNG Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
12/09/2023	000022	12/09/2023	Bán hàng theo HĐ số 00000022				
			Tiền Việt Nam	X	1111	13.424.400	0
			Doanh thu bán hàng	X	5111	0	12.430.000
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331	0	994.400
12/09/2023	000022	12/09/2023	Xuất hàng theo HĐ số 00000022				
			Giá vốn hàng bán	X	632	6.383.348	0
			Hàng hóa	X	156	0	6.383.348
18/09/2023	000023	18/09/2023	Bán hàng theo HĐ số 00000023				
			Tiền Việt Nam	X	1111	5.889.780	
			Doanh thu bán hàng	X	5111		5.453.500
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331		436.280
18/09/2023	000023	18/09/2023	Xuất hàng theo HĐ số 00000023				
			Giá vốn hàng bán	X	632	4.418.500	
			Hàng hóa	X	156		4.418.500
21/09/2023	000024	21/09/2023	Bán hàng theo HĐ số 00000024				
			Tiền Việt Nam	X	1111	2.509.380	0
			Doanh thu bán hàng	X	5111	0	2.323.500
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331	0	185.880
21/09/2023	000024	21/09/2023	Xuất hàng theo HĐ số 00000024				
			Giá vốn hàng bán	X	632	1.424.390	0
			Hàng hóa	X	156	0	1.424.390
...	...	...	...	...	...	...	...
			TỔNG CỘNG			1.256.307.841	1.256.307.841

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.5: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan,
P.Hòa Xuân,Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng

Mẫu số: S02c1 – DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2023

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	KĐƯ	SỐ TIỀN	
	Số	Ngày			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...
12/09/2023	000022	12/09/2023	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000022	156	6.383.348	0
18/09/2023	000023	18/09/2023	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000023	156	4.418.500	0
21/09/2023	000024	21/09/2023	Xuất hàng theo hóa đơn: 00000024	156	1.424.390	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2023	KC- 000003	30/09/2023	KC Giá vốn hàng bán vào KQ SXKT	911		35.188.738
			Tổng cộng số phát sinh		489.298.215	489.298.215
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		489.298.215	489.298.215
			Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.6: Sổ cái 632

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính

2.2.4.1 Đặc điểm

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là các khoản thu tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

Theo TT133/2016/TT-BTC công ty sử dụng tài khoản 515 – “ Doanh thu tài chính” để theo dõi doanh thu tài chính của công ty.

2.2.4.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Sao kê ngân hàng

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

2.2.5.4 Các nghiệp vụ minh họa

❖ Ngày 25/10/2023, công ty nhận được thông báo từ ngân hàng TMCP Á Châu về lãi tiền gửi nhập vốn tháng 10/2023 là 3 đồng, chứng từ (Phụ lục 01: Bảng kê giao dịch ngân hàng), kế toán định khoản:

Nợ 1121 3 đồng

Có 515 3 đồng

☞ Kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán. Phần mềm được nhập sẽ hiển thị như hình:

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
1121	515	0.003	Lãi nhập vốn tháng 10/2023		
* 1121	515	0			

Hình 2.9: Trích Phiếu thu tiền gửi

Khi kế toán nhập vào phần mềm và lưu thì máy sẽ thực hiện chuyển số liệu tự động lên sổ cái 515 và nhật ký chung.

Để xem và kiểm tra thông tin đã được cập nhập trên sổ nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác như sau:

Để mở sổ nhật ký chung trên phần mềm Trí Việt thì kế toán sẽ thực hiện những thao tác như sau: Nhấn chọn “ Kế toán tổng hợp” - “ Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung ” → “ Nhật ký chung ” → sau đó tích chọn thời gian “ Trọn năm” - tiếp đến chọn hình thức in “ In theo từng tài khoản” → và cuối cùng "xuất Excel" để xem nhật ký chung.

Để xem thông tin trên sổ cái thực hiện thao tác sau: Bấm chọn “ Kế toán tổng hợp”→ “ Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung”→ “ Sổ cái các tài khoản” sau đó tích chọn thời gian “ Trọn năm”→ Chọn tài khoản doanh thu hoạt động tài chính “515”→ sau đó chọn hình thức in “ In theo từng tài khoản” và cuối cùng “ nhấn “Report” để xuất báo cáo.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan,
P.Hòa Xuân,Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

NHẬT KÝ CHUNG Năm 2023

NGÀY GHI SỔ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
25/10/2023	000001	25/10/2023	Lãi nhập vốn				
			Tiền Việt Nam	X	1121	3	0
			Doanh thu hoạt động tài ch	X	515	0	3
...	...	...	...	...	...	...	...
			TỔNG CỘNG			1.256.307.841	1.256.307.841

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.7 : Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan,
P.Hòa Xuân,Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng

Mẫu số: S02c1 – DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI Năm 2023

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...
25/07	000001	Lãi nhập vốn	1121	0	2
31/07	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2	0
25/09	000001	Lãi nhập vốn	1121	0	1
30/09	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1	0
25/10	000001	Lãi nhập vốn	1121	0	3
31/10	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	3	0
25/11	000011	Lãi nhập vốn	1121	0	11
30/11	KC-000001	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	11	0
31/12	000003	Lãi nhập vốn	1121	0	5
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	5	0
		Tổng cộng phát sinh		38	38
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		38	38
		Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.8: Sổ cái 515

2.2.5 Kế toán chi phí tài chính

Trong năm 2023, công ty không phát sinh nghiệp chi phí tài chính nên doanh nghiệp không hoạch toán các chi phí tài chính.

2.2.6 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.6.1 Đặc điểm

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp. Tại công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình, chi phí quản lý kinh doanh phát sinh bao gồm: Phí dịch vụ SMS, chi phí tính lương nhân viên.

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Theo TT 133/2016/TT-BTC công ty sử dụng tài khoản 642 để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản 642 tại công ty chỉ có 1 Tk cấp 2: Tài khoản 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

2.2.6.3 Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Chứng từ giao dịch
- Bảng tính lương nhân viên, bảng chấm công nhân viên

❖ Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ cái 642

2.2.6.4 Các nghiệp vụ minh họa

❖ **Nghiệp vụ minh họa 1:** Ngày 09/09/2023 thanh toán tiền thu phí dịch vụ SMS tháng 08 của tài khoản ngân hàng TMCP Á Châu của công ty là 20.000 đồng.

Nợ 6422 20 000 đồng

Có 1121 20 000 đồng

☞ Kế toán căn cứ vào bảng kê giao dịch từ ngân hàng (*Phụ lục 01: bảng kê giao dịch ngân hàng*) tiến hành nhập liệu vào phần mềm:

Phiếu Chi Tiền Gửi Copy

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: ACB Ngân Hàng TMCP Á Châu
 Người nhận tiền: Ngân Hàng TMCP Á Châu
 Ngày CT: 09/09/2023

Địa chỉ: 218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng
 Mã nhân viên:
 Số CT: 000001

Lý do chứng từ: Phí SMS tháng 08/2023
 CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
6422	1121	20,000	Phí SMS tháng 08/2023		
▶ 6422	1121	0			

Record: 1 of 2

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Sêri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
▶			10						

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 1121 Vụ việc:

Tổng chưa thuế: Tổng hoá đơn:

Tổng thuế VAT: Tổng hạch toán: 20,000

Khoá sổ / Mở sổ Khoá DL Thêm phiếu Xoá phiếu In phiếu Lưu nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình 2.10: Trích giao diện phiếu chi tiền gửi

❖ **Nghiệp vụ minh họa 2:** Ngày 30/09/2023 doanh nghiệp trả tiền lương cho nhân viên theo bảng thanh toán lương là 18.590.000 đồng.

Nợ 6422 18.590.000 đồng

Có 334 18.590.000 đồng

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH
MST: 0402002670
Địa chỉ: 378 đường Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

BẢNG CHẤM CÔNG
Tháng 09 năm 2023

STT	Họ và tên	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	Làm việc
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	Ngày công
1	Trần Văn Bảo	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	26
2	Lê Thảo Nguyên	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	26
3	Nguyễn Văn Hứa	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	X	1	1	1	1	1	1	26
	Cộng																															78

Biểu 2.9: Bảng chấm công tháng 09

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

MST: 0402002670

Địa chỉ: 378 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
THÁNG 09/2023**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ HIỆN TẠI	MỨC LƯƠNG	Ngày công	Lương Thực Tế	PHỤ CẤP			Tổng lương	Ký nhận
						Cơm ca	Điện thoại	Xăng xe		
1	Trần Văn Bảo	Quản Lý	5.000.000	26,0	5.000.000	730.000	1.000.000	500.000	7.230.000	
2	Lê Thảo Nguyên	Kế Toán	4.200.000	26,0	4.200.000	730.000	500.000	500.000	5.930.000	
3	Nguyễn Văn Hứa	Nhân viên	4.200.000	26,0	4.200.000	730.000	0	500.000	5.430.000	
	TỔNG CỘNG		13.400.000	78	13.400.000	2.190.000	1.500.000	1.500.000	18.590.000	

Người Lập

Phòng kế toán

Biểu 2.10: Bảng thanh toán tiền lương tháng 09

Căn cứ bảng thanh toán lương, kế toán sẽ tiến hành ghi nhận nghiệp vụ thanh toán lương và nghiệp vụ hoạch toán lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp lên phần mềm kế toán.

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 30/09/2023 Số CT: 000005 CT gốc:

Lý do chứng từ: Tiền lương phải trả CNV tháng 09/2023

Mã nhân viên:

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
6422		334		18,590,000.00	Tiền lương phải trả CNV tháng 09/2023		
				0.00			

Tổng chưa thuế:

Tổng thuế VAT:

Tổng hoá đơn:

Tổng hạch toán: 18,590,000

Record: 1 of 1 (Filtered)

Khoá DL Thêm Xoá In phiếu Quay ra

Hình 2.11: Trích giao diện chứng từ bút toán tổng hợp

Để ghi nhận nghiệp vụ thanh toán lương vào phần mềm kế toán tiến hành như sau: Vào phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → “Cập nhập số liệu” → “Kích chọn phiếu chi tiền mặt”, sau đó, nhập thông tin nghiệp vụ và ấn “Thêm phiếu” để lưu nghiệp vụ.

Sau khi kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 378 đường Nguyễn Phước Lan,

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày

P.Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

26/8/2016 của BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi	Số hiệu TK đối	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...	...	...	...	...
09/09/2023	000001	09/09/2023	Phí dịch vụ SMS				
			Ngân hàng TMCP Á Châu	X	1121	20.000	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	20.000
30/09/2023	000005	30/09/2023	Lương nhân viên tháng 09/2023				
			Phải trả người lao động	X	334		18.590.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	18.590.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
30/09/2023	KC- 000004	30/09/2023	Kc chi phí quản lý sang KQ SXKD				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	220.188.154
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	220.188.154	0
			TỔNG CỘNG			1.256.307.841	1.256.307.841

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.11: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Mẫu số: S02c1 – DNN

Địa chỉ: Số 378 đường Nguyễn Phước Lan,

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-

P.Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

SỔ CÁI

BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

Năm 2023

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
	Số	Ngày			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...
23/08	000001	23/08	Phí dịch vụ SMS tháng 08/2023	1121	20.000	
30/08	000005	30/08	Chi phí tiền lương tháng 09/2023	334	18.590.000	
30/08	KC-000004	30/08	KC Chi phí quản lý kinh doanh và KQ SXKD	911		18.610.000
09/09	000001	09/09	Phí dịch vụ SMS tháng 08/2023	1121	20.000	
30/09	000005	30/09	Chi phí tiền lương tháng 09/2023	334	18.590.000	
30/09	KC-000004	30/09	KC Chi phí quản lý kinh doanh và KQ SXKD	911		18.610.000
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng số phát sinh		225.342.000	225.342.000
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		225.342.000	225.342.000
			Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.12 Sổ cái 642

2.2.7 Kế toán thu nhập khác

Trong năm 2023, công ty không phát sinh nghiệp thu nhập khác nên doanh nghiệp không hoạch toán các thu nhập khác.

2.2.8 Kế toán chi phí khác:

Trong năm 2023, công ty không phát sinh nghiệp chi phí khác nên doanh nghiệp không hoạch toán các chi phí khác.

2.2.9 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.1 Đặc điểm

Do năm 2023 công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình kinh doanh lỗ nên công ty không phải nộp thuế TNDN.

2.2.9.2 Tài khoản sử dụng

TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Công ty đang áp dụng với mức thuế suất 20% tại doanh nghiệp

2.2.9.3 Chứng từ sử dụng

Tờ khai quyết toán thuế TNDN

2.2.9.4 Các nghiệp vụ minh họa

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2023 Từ ngày 01/01/2023 Đến ngày 31/12/2023

[02] Lần đầu: ☒ X

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

G47 - Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)

[05] Tỷ lệ (%):

100,00

[06] Tên người nộp thuế :

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

[07] Mã số thuế:

0402002670

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(17.289.282)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1 = B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(17.289.282)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(17.289.282)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(17.289.282)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0

8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0	0	0	0	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0					0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHCN	E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6	0	0	0	0	0	
Tổng cộng				0	0	0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:			
Họ và tên:		Người ký:	Trần Văn Dương
Chứng chỉ hành nghề số:		Ngày ký:	26/03/2024

Biểu 2.13: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023

2.2.10 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.10.1 Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

2.2.10.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

❖ Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung

- Sổ cái 911

2.2.10.3 Quy trình ghi sổ

Cuối kỳ hạch toán, kế toán tiến hành khóa sổ khai báo tham số kết chuyển tự động doanh thu, chi phí vào kết quả sản xuất kinh doanh. Sau đó, phần mềm sẽ tự động kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh lãi hay lỗ.

Để xem và kiểm tra thông tin đã được cập nhập trên sổ nhật ký chung, kế toán thực hiện các thao tác sau:

Để mở sổ nhật ký chung trên phần mềm TRÍ VIỆT thì kế toán sẽ thực hiện những thao tác sau: Nhấn chọn “ Kế toán tổng hợp” → “ Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung” → “Nhật ký chung” → sau đó tích chọn thời gian “ Trọn năm” → tiếp đến chọn hình thức in “ In theo từng tài khoản” → và cuối cùng “ xuất Excel” để xem nhật ký chung.

Để xem thông tin trên sổ cái tài khoản ta thực hiện những thao tác sau: Bấm chọn “ Kế toán tổng hợp” → “ Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung ” → “ Sổ cái” sau đó tích chọn thời gian “ Trọn năm” → chọn tài khoản xác định kết quả kinh doanh “ TK 911” → sau đó chọn hình thức in “ In theo từng tài khoản” – và cuối cùng “Report” để xuất báo cáo.

2.2.10.4 Nghiệp vụ minh họa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	697.350.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	697.350.895
4. Giá vốn hàng bán	11	489.298.215
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	208.052.680
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	38
7. Chi phí tài chính	22	0
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	225.342.000
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(17.289.282)
10. Thu nhập khác	31	0
11. Chi phí khác	32	0
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50	(17.289.282)
14. Chi phí thuế TNDN	51	0
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	(17.289.282)

Biểu 2.14: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 5111 697.350.895 đồng

Có TK 911 697.350.895 đồng

- Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911 489.298.215 đồng

Có TK 632 489.298.215 đồng

- Kết chuyển doanh thu tài chính:

Nợ TK 515 38 đồng

Có TK 911 38 đồng

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh:

Nợ TK 911 225.342.000 đồng

Có TK 6422 225.342.000 đồng

→ Sau khi kết chuyển toàn bộ tài khoản doanh thu và chi phí trên ta thấy bên Có TK 911 nhỏ hơn bên Nợ TK 911 là (17.289.282) đồng, đây chính là khoản lỗ năm 2023.

Kết chuyển chi phí để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK421 17.289.282 đồng

Có TK 911 17.289.282 đồng.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 378 đường Nguyễn Phước Lan,

P.Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng

SỔ CÁI

Năm 2023

Mẫu số: S02c1 – DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của BTC)

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng, ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
	Số	Ngày			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		0	0
...	...		...	...	...	...
30/09	KC-000001	30/09	KC Doanh thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	60.562.000
30/09	KC-000002	30/09	KC Doanh thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1
30/09	KC-000003	30/09	KC Giá vốn hàng bán sang KQ SXKD	632	35.188.738	0
30/09	KC-000004	30/09	KC Chi phí quản lý kinh doanh và KQ SXKD	6422	18.610.000	0
30/09	KC-000005	30/09	KC Lãi lỗ KDSX(911)	4212	0	6.763.263
...	...		...	...	...	...
31/12	KC-000001	31/12	KC Doanh thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	87.854.895
31/12	KC-000002	31/12	KC Doanh thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1
31/12	KC-000003	31/12	KC Giá vốn hàng bán sang KQ SXKD	632	53.269.202	0
31/12	KC-000004	31/12	KC Chi phí quản lý kinh doanh và KQ SXKD	6422	18.610.000	0
31/12	KC-000005	31/12	KC Lãi lỗ KDSX(911)	4212	0	15.975.694
			Tổng cộng số phát sinh		1.411.991.110	1.411.991.110
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1.411.991.110	1.411.991.110
			Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kế toán trưởng

Biểu 2.15 Sổ cái 911

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT, ĐÓNG GÓP Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công Ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình:

Qua một thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công Ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình, dựa trên những kiến thức, những vấn đề lí luận cơ bản về hoạch toán kế toán đã được trang bị tại trường em xin nêu ra một số đánh giá sau:

3.1.1 Ưu điểm:

❖ Về công tác bố trí bộ máy kế toán:

Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình là một đơn vị hoạch toán độc lập nên tổ chức bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công ty gọn nhẹ, tiết kiệm được nhiều chi phí. Bộ phận kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ phận khác trong công ty nhằm đảm bảo các dữ liệu ban đầu.

Nhân viên kế toán năng động ham học hỏi, có trình độ chuyên môn, sử dụng máy tính thành thạo làm việc có trách nhiệm cao và luôn phối hợp với nhau để công việc đạt hiệu quả cao nhất.

❖ Về phương pháp hoạch toán, hình thức sổ sách:

Phương pháp hoạch toán của công ty thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán, phản ánh đầy đủ, trung thực, kịp thời các nghiệp vụ kế toán. Trong điều kiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên nên việc công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung là hoàn toàn hợp lý giúp cho công tác quản lý chặt chẽ và có hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty đã sử dụng phần mềm Trí Việt nên khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ có liên quan và nhập số liệu vào phần mềm trong các phân hệ thích hợp. Công ty dùng phần mềm kế toán để phục vụ cho công tác kế toán giúp giảm tải được nhiều công việc, tiết kiệm thời gian và đảm bảo độ chính xác số liệu kế toán.

❖ Áp dụng kế toán:

Công ty áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT133/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 26/08/2016.

❖ Về sổ sách và chứng từ kế toán:

Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hoạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế và cơ sở pháp lí của nghiệp vụ. Chứng từ đều được sử dụng

đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế về nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác vào chứng từ.

Công ty kinh doanh buôn bán hàng hóa nhiều chủng loại nên công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hoạch toán hàng tồn kho là hợp lý, giảm nhẹ khối lượng công việc kế toán.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh các mặt ưu điểm, công ty vẫn còn tồn tại nhiều mặt hạn chế và cần phải thay đổi để phát triển hơn trong công tác quản lý cho toàn doanh nghiệp như sau:

❖ Thị trường bán hàng:

Với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các đơn vị trong khu vực và trên thị trường, công ty chưa đưa những chiến lược kinh doanh để đảm bảo sự tồn tại và phát triển công ty. Về công tác giới thiệu, quảng bá thương hiệu chưa được chú trọng đó là mặt hạn chế lớn nhất của công ty trên thị trường. Chưa thu hút nhiều đến các khách hàng là các doanh nghiệp, công trình xây dựng...

❖ Đối với tổ chức bộ máy kế toán:

Do công ty có quy mô vừa và nhỏ nên mức độ tính chất công việc đơn giản, do đó xảy ra sự kiêm nhiệm trong công việc. (Kế toán tổng hợp kiêm kế toán công nợ, kế toán bán hàng, thủ kho) tạo nên sự chồng chéo và sai sót trong công việc, đồng thời cũng tạo áp lực cho nhân viên kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ Sổ sách kế toán:

Công ty đã theo dõi doanh thu bán hàng từ sổ cái và sổ chi tiết bán hàng của tất cả các loại hàng hóa chứ không theo dõi chi tiết doanh thu riêng cho từng loại mặt hàng khác nhau. Kế toán của công ty theo dõi như vậy thì không có gì sai, tuy nhiên, việc theo dõi nhiều mặt hàng như vậy công ty sẽ không thấy được mặt hàng nào là quan trọng, tiêu thụ mạnh để đầu tư kinh doanh, định hướng phát triển các mặt hàng phù hợp và loại bỏ các mặt hàng ít hướng đến người mua.

Công ty vẫn còn áp dụng bảng kê hàng hóa của khách hàng (lẻ) mua được vào sổ viết tay trong khi đã có phần mềm hỗ trợ. Vì doanh nghiệp chủ yếu là bán buôn nên doanh thu đến từ khách lẻ rất ít việc xuất hóa đơn GTGT cho “khách lẻ không lấy hóa đơn GTGT” kế toán công ty sẽ đợi đến thời điểm thích hợp mới xuất hóa GTGT và lưu trữ vào phần mềm. Điều này, doanh nghiệp sẽ xảy ra rủi ro cao khi bất cẩn làm mất đi bảng kê viết tay thì sẽ ảnh hưởng đến doanh nghiệp rất nghiêm trọng.

❖ Chi phí quản lý kinh doanh:

Công ty chưa phân loại riêng biệt chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng. Sử dụng TK 6422 hạch toán cho chi phí bán hàng là không phù hợp.

3.2 Một số giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình:

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu thông qua sổ sách thực tế và công tác kế toán tại công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình, kết hợp với những kiến thức về mặt lý luận đã được học trong nhà trường đã giúp em hiểu biết sâu sắc hơn tầm quan trọng của việc hoàn thiện kế toán nói chung và hoàn thiện kế toán bán hàng xác định kết quả kinh doanh nói riêng của công ty. Về cơ bản công tác kế toán đã thực hiện theo đúng chế độ hiện hành của nhà nước ban hành.

Bên cạnh đó, công tác kế toán bán hàng xác định kết quả kinh doanh vẫn không tránh khỏi những tồn tại, những vấn đề chưa hợp lý cần khắc phục. Kết hợp với những kiến thức đã được học và tình hình thực tế của công ty. Sau đây, em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất với mong muốn góp phần hoàn thiện hơn nữa “ Kế toán bán hàng và xác định kết quả hoạt động kinh doanh” của công ty như sau:

☞ Thứ nhất: Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại:

- Đối với chiết khấu thương mại: Trong môi trường cạnh tranh mạnh mẽ như hiện nay việc chiết khấu thương mại là hợp lý để kích thích người mua hàng với khối lượng lớn. Xét về tổng thể khi chính sách chiết khấu thương mại phát huy tác dụng thì doanh thu lại càng tăng cao.

- Đối với chiết khấu thanh toán: Công ty áp dụng hình thức công nợ đối với khách hàng mua với số lượng lớn và quy định khoảng thời gian khách hàng thanh toán đủ cho công ty nếu khách hàng thanh toán càng sớm sẽ được giảm trừ khoản tiền mà khách hàng cần thanh toán cho công ty.

☞ Thứ hai: Thay đổi quy trình luân chuyển chứng từ:

- Công ty nên bổ nhiệm nhân viên bán hàng kiêm thủ kho để có thể theo dõi số lượng thức xuất và số lượng kế toán ghi nhận trên phần mềm một cách minh bạch hơn.

❖ Chức năng của nhân viên bán hàng kiêm thủ kho:

Vừa là người bán hàng tư vấn, báo giá các loại sản phẩm của công ty, giao hàng cho khách. Vừa là người theo dõi tình hình xuất - nhập – tồn hàng hóa từ kho, có trách nhiệm trực tiếp quản lý hoạt động bán hàng và ghi chép các số liệu, chứng từ hàng hóa và báo cáo lại cho cấp trên. Thống kê số lượng, kiểm tra và phân loại để biết được hạn sử dụng của hàng hóa, tránh gây tổn thất cho doanh nghiệp.

- Không để doanh nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng về thất lạc hàng hóa. Công ty nên sử dụng bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ trên phần mềm excel thuận lợi cho việc tính tổng. Nếu doanh thu bán được cho khách lẻ không lấy hóa đơn trong ngày ít thì

❖ Mẫu bảng kê (theo mẫu số 5.6 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư 39/2014/TT-BTC) doanh nghiệp cần lập trên phần mềm:

BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRỰC TIẾP CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG
(Từ ngày.....đến ngày....tháng....năm...)

Họ tên người mua hàng:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất GTGT	Thành tiền	Ghi chú

Người lập (Ký và ghi rõ họ tên) Kế toán trưởng (Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 3.2: Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

☞ Thứ ba: Công ty nên mở sổ chi tiết doanh thu theo từng mặt hàng

- Để thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu riêng cho từng loại mặt hàng khác nhau, thuận tiện cho việc ra các quyết định quản trị, thấy được mặt hàng nào là quan trọng, tiêu thụ mạnh để đầu tư kinh doanh, định hướng phát triển các mặt hàng phù hợp, cân nhắc loại bỏ đi các mặt hàng không chiếm được thị hiếu người tiêu dùng. Công ty có thể sử dụng mẫu sổ chi tiết bán hàng do BTC ban hành.

Ta có thể chia thành các nhóm mặt hàng để lên sổ chi tiết như sau:

- Nhóm quạt điện
- Nhóm đèn các loại
- Nhóm ống nhựa
- Nhóm máy khoan
- Nhóm máy cưa
- Nhóm máy bơm nước
- Nhóm đồ đinh, ốc vít....

Đơn vị: Công Ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình
Địa chỉ: 378 Nguyễn Phước Lan, P. Hoàn Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mẫu số S19-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỐ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111

Đối tượng:

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
								
			- Cộng số phát sinh	x			x	
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		x

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 3.3: Mẫu sổ chi tiết doanh thu bán hàng

☞ Thứ tư: Hạch toán chi phí lương

- Kế toán công ty hiện đang sử dụng TK 642 để hoạch toán các chi phí liên quan và chỉ mở 1 tài khoản cấp 2 là TK 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Công ty hiện đang có một nhân viên bán hàng nhưng kế toán lại hạch toán lương nhân viên vào TK 6422 để theo dõi chi tiết hơn công ty cần mở cụ thể 2 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 6421- Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Điều này giúp kế toán xác định rõ các khoản chi phí của các bộ phận, góp phần hoàn thiện công tác quản lý chi phí của công ty.

- Công ty nên đóng BHXH cho nhân viên được hưởng phúc lợi để đảm bảo chế độ cho nhân viên của mình và góp phần cho nhân viên gắn bó lâu dài với doanh nghiệp hơn. Việc tính BHXH cho nhân viên theo đúng quy định hiện hành sẽ thể hiện trong bảng thanh toán tiền lương cụ thể như sau:

CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH																			
MST: 0402002670																			
Địa chỉ: 378 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng																			
BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																			
THÁNG 09/2023																			
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ HIỆN TẠI	MỨC LƯƠNG	Ngày công	Lương Thực tế	PHỤ CẤP			Tổng lương	Các khoản trích từ vào chi phí			Các khoản trích từ và lương				Thực lĩnh	Ký nhận	
						Cơm ca	Điện thoại	Xăng xe		BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	CỘNG	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)			CỘNG
Bộ phận quản lý																			
1	Trần Văn Báo	Quản Lý	5.000.000	26,0	5.000.000	730.000	1.000.000	500.000	7.230.000	875.000	150.000	50.000	1.075.000	400.000	75.000	50.000	525.000	6.705.000	
2	Lê Thảo Nguyên	Kế Toán	4.200.000	26,0	4.200.000	730.000	500.000	500.000	5.930.000	735.000	126.000	42.000	903.000	336.000	63.000	42.000	441.000	5.489.000	
	Tổng		9.200.000	52,0	9.200.000	1.460.000	1.500.000	1.000.000	13.160.000	1.610.000	276.000	92.000	1.978.000	736.000	138.000	92.000	966.000	12.194.000	
Bộ phận bán hàng																			
3	Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	4.200.000	26,0	4.200.000	730.000	0	500.000	5.430.000	735.000	126.000	42.000	903.000	336.000	63.000	42.000	441.000	4.989.000	
	Tổng		4.200.000	26,0	4.200.000	730.000	0	500.000	5.430.000	735.000	126.000	42.000	903.000	336.000	63.000	42.000	441.000	4.989.000	
	TỔNG CỘNG		13.400.000	78	13.400.000	2.190.000	1.500.000	1.500.000	18.590.000	2.345.000	402.000	134.000	2.881.000	1.072.000	201.000	134.000	1.407.000	17.183.000	
Người Lập										Phòng kế toán									

Biểu 3.4: Bảng thanh toán tiền lương tháng 09

☞ **Hạch toán như sau:**

❖ Chi phí lương bộ phận bán hàng:

Nợ 6421 5.430.000 đồng

Có 334 5.430.000 đồng

❖ Chi phí lương của bộ phận quản lý:

Nợ 6422 13.160.000 đồng

Có 334 13.160.000 đồng

❖ Các khoản trích trừ vào chi phí của doanh nghiệp:

- Bộ phận quản lý:

Nợ 6422 1.978.000 đồng

Có 3383 1.610.000 đồng

Có 3384 276.000 đồng

Có 3385 92.000 đồng

- Bộ phận bán hàng:

Nợ 6421 903.000 đồng

Có 3383 735.000 đồng

Có 3384 126.000 đồng

Có 3385 42.000 đồng

❖ Các khoản trích trừ vào lương nhân viên:

- Bộ phận quản lý:

Nợ 334 966.000 đồng

Có 3383 736.000 đồng

Có 3384 138.000 đồng

Có 3385 92.000 đồng

- Bộ phận bán hàng:

Nợ 334 441.000 đồng

Có 3383 336.000 đồng

Có 3384 63.000 đồng

Có 3385 42.000 đồng

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình, khóa luận “Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình” đã hoàn thành và khái quát một số vấn đề như sau:

* Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, hệ thống báo cáo tài chính, yêu cầu, nguyên tắc tính toán các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

* Về mặt thực tiễn: Đề tài phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình thông qua số liệu thực tế năm 2023.

Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hoạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình, trong đề tài em đã mạnh dạn trình bày một số kiến nghị với hy vọng góp phần giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình cho hợp lý, đúng với chế độ kế toán, khắc phục được những hạn chế trong thời gian tới để Công ty đạt được những thành tích lớn hơn nữa, tự khẳng định mình trên thị trường.

Do điều kiện thời gian cũng như trình độ còn hạn chế, khóa luận của em không thể không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo góp ý của các anh, chị kế toán tại Công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình cũng như các thầy, cô và giảng viên hướng dẫn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của Ban giám đốc và các anh chị trong phòng kế toán Công ty và cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Lê Thị Cẩm Giang đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), Thông tư 133/2016/TT-BTC, hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành ngày 26/08/2016.
2. Bộ tài chính (2001), Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
3. Tài liệu kế toán của công ty TNHH Vật Tư và Xây Dựng Thái Bình năm 2023
4. Tham khảo một số kết cấu TK trên các Website...

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01: Bảng kê giao dịch từ ngân hàng

							Page : 2 Of 4
							Account Number : 79797775678
							Statement : 06-03-2024
							Number of Check : 0
---- OrgNbr : 1980202 CT TNHH VAT TU VA XAY DUNG THAI BINH Ma so thue : 0402002670 ---- So LO 32-33 B1 ---- Duong NGUYEN PHUOC LAN P. HOA XUAN Quan Cam Le							
BANG KE GD - TGTT KHTN SO CHON (TC) VND Checking Tu ngay : 01-01-2023							79797775678
							Den ngay : 31-12-2023
	So du dau	+ Gui vao	(Lai nhap von)	- Rut ra	- Phi =	So du cuoi	
	14,117.00	230,657,862.00	38.00	230,671,200.00		779.00	
Ngay	Dien giai			Ghi no	Ghi co	So du	
24-05	##NTDT+KB:0168-KBNN CAM LE- DA NANG+NgayNT:23052023+MST:0402002670+DB HC:495HH+TKNS:7111+CQT:1007286+LThue:01 (C:755-TM:2863-KT:05/2023-ST:2000000-GChu:) (C:755-TM:4944-KT:05/2023-ST:10200-GChu:)			-2,010,200.00		45,094.00	
25-05	####Lai nhap von#				2.00	45,096.00	
02-06	##CTY CP CONG NGHE SMARTEST-CONG TY SMARTEST CHUYEN TIEN MUA HANG CTY THAI BINH HD 5				39,708,000.00	39,753,096.00	
02-06	##CHUYEN TIEN-020623-16:38:00 926821			-39,700,000.00		53,096.00	
10-06	## Thu Phi SMS thay doi so du thang 05/2023			-20,000.00		33,096.00	
16-06	##GR.G THANH TOAN TIEN VAT TU DIEN NUOC THANG 05/2023				3,108,000.00	3,141,096.00	
16-06	##CHUYEN TIEN-160623-08:35:24 547837			-3,100,000.00		41,096.00	
26-06	####Lai nhap von#				2.00	41,098.00	
08-07	## Thu Phi SMS thay doi so du thang 06/2023			-20,000.00		21,098.00	
17-07	##CTCP DAU TU XAY DUNG TRINH HOA PHAT CK THANH TOAN TIEN HANG CHO CTY THAI BINH GD 601248-071723 15:45:48				13,893,360.00	13,914,458.00	
17-07	##CHUYEN TIEN-170723-15:46:54 161750			-13,800,000.00		114,458.00	
25-07	####Lai nhap von#				2.00	114,460.00	
27-07	##KS L.H THANH TOAN CONG NO VAT LIEU SUA CHUA KI THUAT THANG 6 NCC THAI BINH				8,814,000.00	8,928,460.00	
27-07	##CHUYEN TIEN-270723-16:02:03 513975			-8,900,000.00		28,460.00	
27-07	##KS GRAND GOLD TT TIEN MUA VAT TU - CONG NO THANG 06/2023				2,889,000.00	2,917,460.00	
27-07	##CHUYEN TIEN-270723-16:21:27 531521			-2,900,000.00		17,460.00	
23-08	##GR.G THANH TOAN CONG NO VAT TU DIEN NUOC T07/2023				2,966,000.00	2,983,460.00	
23-08	##CHUYEN TIEN-230823-14:17:54 059159			-2,950,000.00		33,460.00	
23-08	##KS L.H THANH TOAN CONG NO VAT LIEU SUA CHUA KI THUAT THANG 7 NCC THAI BINH				9,112,000.00	9,145,460.00	
23-08	##CHUYEN TIEN-230823-14:56:31 093528			-9,100,000.00		45,460.00	
23-08	## Thu Phi SMS thay doi so du thang 07/2023			-20,000.00		25,460.00	
25-08	####Lai nhap von#				1.00	25,461.00	
09-09	## Thu Phi SMS thay doi so du thang 08/2023			-20,000.00		5,461.00	

OrgNbr : 1980202
CTTNHH VAT TU VA XAY DUNG THAI BINH
Ma so thue : 0402002670
So LO 32-33 B1
Duong NGUYEN PHUOC LAN
P. HOA XUAN Quan Cam Le

Number of Check : 0

BANG KE GD - TGGT KHTN SO CHON (TC) VND Checking

79797775678

Tu ngay : 01-01-2023

Den ngay : 31-12-2023

So du dau	+ Gui vao	(Lai nhap von)	- Rut ra	- Phi =	So du cuoi
14,117.00	230,657,862.00	38.00	230,671,200.00		779.00
Ngày	Diễn giải	Ghi no	Ghi co	So du	
26-09	##KS.GP THANH TOAN CONG NO VAT TU SUA CHUA DIEN THANG 08/2023 NCC VT&XD THAI BINH		2,548,000.00	2,553,461.00	
27-09	##CHUYEN TIEN-270923-07:42:06 481768	-2,550,000.00		3,461.00	
02-10	##GR.G THANH TOAN CONG NO VAT TU DIEN NUOC THANG 08/2023		5,102,000.00	5,105,461.00	
02-10	##CHUYEN TIEN-021023-17:21:50 294694	-5,100,000.00		5,461.00	
11-10	##CTY TNHH QUOC TE NGO CHUYEN TIEN Thanh toan tien mua phu kien vat tu inox lap dat DA tai Da Nang GD 011095-101123 11:46:31		5,697,216.00	5,702,677.00	
11-10	##CHUYEN TIEN-111023-11:52:39 322425	-5,700,000.00		2,677.00	
23-10	##Chuyen tien hang Cty Thai Binh HD 30 GD 929032-102123 18:30:25		1,200,000.00	1,202,677.00	
23-10	##CHUYEN TIEN-211023-18:43:52 920124	-1,200,000.00		2,677.00	
25-10	####Lai nhap von#		3.00	2,680.00	
26-10	##CTY TNHH QUOC TE NGO CHUYEN TIEN Thanh toan tien mua vat tu inox GD 337090-102623 16:41:33		1,237,248.00	1,239,928.00	
26-10	##CHUYEN TIEN-261023-16:57:49 254872	-1,235,000.00		4,928.00	
27-10	##GOLD PLAZA (CTY PHUC LONG) TT MUA VAT TU DIEN THANG 09.2023- CTY VAT TU VA XAY DUNG THAI BINH		3,056,400.00	3,061,328.00	
27-10	##CHUYEN TIEN-271023-17:53:32 200642	-3,050,000.00		11,328.00	
27-10	##KS GRAND GOLD TT TIEN MUA VAT TU DIEN NUOC - THANG 9/2023, HD: 26		5,573,000.00	5,584,328.00	
27-10	## Thu Phi SMS thay doi so du thang 09/2023	-20,000.00		5,564,328.00	
28-10	##CHUYEN TIEN-271023-18:15:04 221270	-5,560,000.00		4,328.00	
14-11	##CTY TNHH QUOC TE NGO CHUYEN TIEN Thanh toan tien chi phi mua vat tu inox Bulong va Cum lap dat DA Da Nang GD 266825-111423 17:18:16		719,280.00	723,608.00	
14-11	## Thu Phi SMS thay doi so du thang 10/2023	-20,000.00		703,608.00	
15-11	##CHUYEN TIEN-141123-19:09:28 890494	-700,000.00		3,608.00	
25-11	##GR.G THANH TOAN CONG NO DIEN NUOC THANG 10/2023 - THAI BINH		1,811,000.00	1,814,608.00	
25-11	##GOLD PLAZA (CTY PHUC LONG) TT CONG NO T10.2023- CTY TNHH VAT TU VA XAY DUNG THAI BINH		3,771,800.00	5,586,408.00	
25-11	####Lai nhap von#		11.00	5,586,419.00	
27-11	##CHUYEN TIEN-251123-19:32:38 289791	-5,580,000.00			

ACP Á CHÂU
RCIAL BAN
IAO DICH
DEPARTMENT

Phụ lục số 02: Phiếu chi tiền mặt số 000005

Đơn vị: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH Địa chỉ: Lô 32,33-B1 đường Nguyễn Phước Lan, P.Hòa Xuân, Q.Cẩm Lệ ,Đà Nẵng	Mẫu số 02 -VT (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)
PHIẾU CHI	Số: 000005
Ngày 30 tháng 09 năm 2023	Nợ: 334
	Có: 1111
Họ tên người nhận tiền: Trần Văn Dương	
Địa chỉ: Đà Nẵng	
Lý do chi : Chi tiền lương T9/2023	
Số tiền: 18,590,000 đồng	
Tổng số tiền (viết bằng chữ) Mười tám triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng	
	Kèm theo: Chứng từ gốc
Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Đà Nẵng, Ngày tháng năm 2023. Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
	Giám đốc (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ tiền(Viết bằng chữ)	

Phụ lục số 03: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH

[03] Mã số thuế: 0402002670

Mẫu số: B02 - DNN
(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		697.350.895	896.312.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		697.350.895	896.312.498
4. Giá vốn hàng bán	11		489.298.215	652.430.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		208.052.680	243.881.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		38	56
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		225.342.000	258.612.490
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(17.289.282)	(14.730.448)
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(17.289.282)	(14.730.448)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(17.289.282)	(14.730.448)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2024
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Trần Văn Dương

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG THÁI BÌNH.